

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG
VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC

NAM ĐỊNH, NĂM 2023

MỤC LỤC

Phần thứ nhất CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT	7
I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ	7
II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC	10
1. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định	10
2. Sự cần thiết phải thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã	12
Phần thứ hai: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ LIÊN QUAN	16
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	16
1. Lịch sử hình thành	16
2. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên	19
3. Vai trò, chức năng	21
4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất	22
5. Dân số và lao động	22
6. Tình hình phát triển kinh tế	22
7. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội	23
8. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng	24
9. Tình hình quốc phòng, an ninh	26
10. Hiện trạng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố Nam Định và các cơ quan, đơn vị liên quan	26
II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN MỸ LỘC	28
1. Lịch sử hình thành	28
2. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên	29
3. Vai trò, chức năng	30
4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất	31
5. Dân số và lao động	31
6. Tình hình phát triển kinh tế	31
7. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội	33
8. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng	34
9. Tình hình quốc phòng, an ninh	35

10. Hiện trạng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức tại huyện Mỹ Lộc và các cơ quan, đơn vị liên quan	35
III. HIỆN TRẠNG CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LIÊN QUAN ĐẾN THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC	37
1. Xã Nam Phong, thành phố Nam Định	37
2. Xã Nam Vân, thành phố Nam Định	37
3. Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	38
4. Xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	38
5. Xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc	38
6. Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	38
7. Xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	39
8. Phường Hạ Long, thành phố Nam Định	39
9. Phường Thống Nhất, thành phố Nam Định	39
10. Phường Quang Trung, thành phố Nam Định	39
11. Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định	40
12. Phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định	40
13. Phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định	40
14. Phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định	40
15. Phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định	41
16. Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định	41
17. Phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định	41
18. Phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định	41
19. Phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định	42
20. Phường Bà Triệu, thành phố Nam Định	42
21. Phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định	42
22. Phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định	42
23. Phường Trường Thi, thành phố Nam Định	43
24. Phường Văn Miếu, thành phố Nam Định	43
25. Xã Lộc An, thành phố Nam Định	43
Phần thứ ba: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG	43
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	44
I. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	44

1. Phương án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định	44
2. Phương án thành lập 03 phường thuộc thành phố Nam Định	44
3. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định	44
II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH.....	48
1. Nguyên tắc khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã	48
2. Tiêu chuẩn của thành phố Nam Định sau khi mở rộng, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc	49
3. Tiêu chuẩn các ĐVHC cấp xã sau thành lập và sắp xếp	51
III. KẾT QUẢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC.....	76
1. Kết quả sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định	76
2. Kết quả sau khi thành lập phường thuộc thành phố Nam Định.....	77
3. Kết quả sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định	78
IV. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ	80
1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã trước khi mở rộng, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã (bao gồm cả huyện Mỹ Lộc).....	80
2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã sau khi mở rộng, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã.....	80
Phần thứ tư: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ.....	80
I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ.....	80
1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước	80
2. Tác động về kinh tế - xã hội.....	83
3. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	86
4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.....	88
5. Tác động khi nhập nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC	90

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG	92
1. Định hướng.....	92
2. Nhiệm vụ và giải pháp.....	93
III. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN.....	97
1. Nhu cầu.....	97
2. Khả năng huy động vốn.....	97
3. Giải pháp về phân bổ nguồn lực thực hiện.....	98
IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH	98
1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức sau mở rộng thành phố nam định, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã.....	98
2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi mở rộng thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã.....	106
V. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, TÀI SẢN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ.....	111
1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng.....	111
2. Đối với các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn.....	112
3. Đối với các phường mới thành lập.....	114
4. Đối với ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.....	115
VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU MỞ RỘNG, THÀNH LẬP MỚI VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ.....	116
Phân thư năm: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	117
1. Kết luận.....	117
2. Kiến nghị, đề xuất.....	117

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐVHC	Đơn vị hành chính
ĐGHC	Địa giới hành chính
HĐND	Hội đồng nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
CCCD	Căn cước công dân
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KCN	Khu công nghiệp
ANTT	An ninh trật tự
ATGT	An toàn giao thông
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
NTM	Nông thôn mới
KCT	Không chuyên trách
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở

Số: /ĐA-UBND

Nam Định, ngày tháng 01 năm 2024

**ĐỀ ÁN
MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH,
THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC**

**Phần thứ nhất
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
4. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
5. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
6. Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;
7. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016;
8. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016;

9. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu quả;

10. Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

11. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

12. Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

13. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025;

14. Quyết định số 109/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Nam Định trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng Nam đồng bằng sông Hồng;

15. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

16. Quyết định số 2106/QĐ-TTg ngày 28/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Nam Định là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nam Định;

17. Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

18. Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

19. Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

20. Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

21. Văn bản số 6826/BNV-CQĐP ngày 31/12/2021 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố Nam Định và thành lập một số phường thuộc thành phố Nam Định;

22. Văn bản số 6004/BXD-PTĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Xây dựng về việc rà soát, đánh giá đô thị loại I đối với thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng) và tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với các khu vực dự kiến thành lập phường, thuộc thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

23. Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định giai đoạn 2021-2025;

24. Thông báo số 643-TB/TU ngày 14/10/2022 của Tỉnh ủy Nam Định thông báo ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương điều chỉnh Đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định và thành lập 03 phường;

25. Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 26/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 theo Kết luận 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị;

26. Thông báo số 889-TB/TU ngày 18/10/2023 của Tỉnh ủy Nam Định thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025;

27. Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

28. Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nam Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

29. Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định giai đoạn 2021-2025;

30. Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030;

31. Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc triển khai lập Đề án mở rộng thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và thành lập một số phường thuộc thành phố Nam Định;

32. Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án phân loại đô thị đối với thành phố Nam Định (dự kiến mở rộng địa giới hành chính);

33. Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025;

34. Văn bản số 6765/BNV-CQĐP ngày 20/11/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Nam Định;

35. Văn bản số 7116/BNV-CQĐP ngày 04/12/2023 của Bộ Nội vụ về trình tự, thủ tục xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

II. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC

1. Sự cần thiết điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định

1.1. Việc điều chỉnh địa giới hành chính, sáp nhập huyện Mỹ Lộc để mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định là từng bước cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước:

Thành phố Nam Định là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh, là đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, có vị trí tiếp giáp vùng Thủ đô, có tầm ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển của vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Theo Quyết định số 109/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Nam Định được quy hoạch trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng với 6 chức năng trung tâm vùng: công nghiệp; giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; y tế; văn hoá, thể thao và du lịch.

Sau gần 20 năm triển khai và thực hiện Quyết định số 109/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Nam Định đã có nhiều biến chuyển mạnh mẽ, khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có để phát triển: kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, giai đoạn 2016-2020 đạt mức bình quân trên 13%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng ngày càng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ, giảm khu vực nông nghiệp. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị được thực hiện bài bản, có tính hệ thống, các tiêu chí của đô thị loại I ngày được nâng cao, bền vững, hoàn thành việc thành lập các phường Lộc Hoà và Mỹ Xá.

Ngày 17/9/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1422/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở định hướng phát triển thành phố với phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ thành phố Nam Định hiện nay; huyện Mỹ Lộc; 3 xã của huyện Vụ Bản và 5 xã của huyện Nam Trực. Năm 2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030, trong đó đặt mục tiêu: *“Phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I, sớm hoàn thành việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định và nâng cấp ít nhất 02 xã (của thành phố Nam Định hiện nay) thành phường, đồng thời phấn đấu ngay sau khi hoàn thành việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định sẽ công nhận việc nâng cấp đơn vị hành chính (thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng) thành phường. Phát triển thành phố Nam Định mở rộng đảm bảo quy mô, không gian và các điều kiện đô thị trung tâm vùng trước năm 2025”*.

Nhằm đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW; Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã và Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 về việc tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã, giai đoạn 2023-2030. Mục tiêu chung là *“Phấn đấu đến năm 2030 các đơn vị hành*

chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp cơ bản phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Căn cứ tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022), thực hiện Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, huyện Mỹ Lộc hiện tại là ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2026-2030, khuyến khích sắp xếp giai đoạn 2023-2025 nhằm giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

1.2. Việc mở rộng thành phố Nam Định xuất phát từ yêu cầu thực tiễn:

Thành phố Nam Định là tỉnh lỵ của tỉnh Nam Định, là đô thị trung tâm của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng và nằm trong vùng duyên hải Bắc Bộ.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, thành phố Nam Định đã được công nhận là đô thị loại I từ năm 2011, là một trong 22 đô thị loại I của cả nước. Kinh tế - xã hội của thành phố đã có những bước phát triển nhanh, mạnh trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, du lịch. Tốc độ đô thị hoá nhanh, phạm vi xây dựng đô thị ngày càng mở rộng cùng với việc phát triển các khu công nghiệp tập trung, các khu đô thị mới, công tác quy hoạch xây dựng, quản lý quy hoạch và đầu tư cơ bản đáp ứng được tình hình phát triển đô thị. Tuy nhiên, hiện nay thành phố Nam Định cũng đang bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: quy mô diện tích thành phố nhỏ, hẹp dẫn đến không gian phát triển bị chia cắt, gây nhiều khó khăn trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn; nguồn lực của địa phương và Trung ương cho phát triển kinh tế - xã hội bị phân tán. Từ thực trạng trên, nhu cầu điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định đã trở thành nhu cầu nội tại, cấp thiết, phù hợp quy luật trong bối cảnh thành phố đang phấn đấu trở thành thành phố trung tâm của tiểu vùng Nam đồng bằng Sông Hồng.

Huyện Mỹ Lộc tiếp giáp với thành phố Nam Định, là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Nam Định. Vị trí địa lý thuận lợi như trên cùng với hệ thống giao thông có sự kết nối chặt chẽ với thành phố Nam Định và các đơn vị hành chính tiếp giáp đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển mạnh, quá trình đô thị hoá của huyện diễn ra nhanh chóng. Huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định trong các thời kỳ trước đây đã nhiều lần chia tách, sáp nhập nên nhân dân hai địa phương có mối liên hệ mật thiết về kinh tế, sự đồng nhất về văn hóa, tập quán sinh hoạt từ lâu đời.

Từ thực tế trên cùng với xu hướng tất yếu về phát triển đô thị và định hướng phát triển thành phố Nam Định tương xứng vị trí, vai trò trong giai đoạn mới, việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định là yêu cầu khách quan có tính cấp thiết. Mặt khác, việc sáp nhập huyện Mỹ Lộc để mở rộng thành phố Nam Định làm giảm 01 ĐVHC cấp huyện, phù hợp với chủ trương của Đảng về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, việc mở rộng thành phố Nam Định bảo đảm các điều kiện quy

định tại khoản 2¹, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Sự cần thiết phải thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã

2.1. Sự cần thiết phải thành lập phường

Xã Nam Phong, xã Nam Vân thuộc thành phố Nam Định và thị trấn Mỹ Lộc, xã Mỹ Hưng thuộc huyện Mỹ Lộc đều nằm trên tuyến giao thông huyết mạch quan trọng của tỉnh Nam Định (Quốc lộ 21), có lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Kinh tế - xã hội trong những năm vừa qua có bước phát triển mạnh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỷ trọng dịch vụ thương mại và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giảm dần tỷ trọng sản xuất nông nghiệp; thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng. Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng khá đồng bộ đã và đang tạo không gian đô thị hiện đại trên địa bàn các xã, thị trấn. Hệ thống các đường trục chính giao thông được mở rộng, nhựa hóa, bê tông hóa 100%; hệ thống cung cấp nước sạch được đầu tư xây dựng tới từng hộ dân; 100% số hộ dân được sử dụng lưới điện Quốc gia phục vụ sinh hoạt và sản xuất; các tuyến đường ngõ xóm đã được lắp đèn chiếu sáng. Cùng với đó là hệ thống các khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng phục vụ nhu cầu của người dân phát triển mạnh mẽ, công tác vệ sinh môi trường được chú trọng.

Sự phát triển mạnh về kinh tế cùng với tốc độ đô thị hóa tăng nhanh đã có tác động rất lớn đến đời sống cũng như sinh hoạt của người dân, quan hệ sản xuất, giao dịch hành chính, thương mại đã dần chuyển sang hình thái môi trường đô thị, hiện đại hơn, chất lượng cuộc sống được nâng cao hơn. Tuy nhiên, cũng nảy sinh nhiều vấn đề khó khăn trong công tác quản lý kinh tế, quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường, do bộ máy quản lý hành chính Nhà nước vẫn tổ chức, hoạt động theo mô hình chính quyền nông thôn. Từ thực tế đó, việc thành lập các phường Nam Phong, Nam Vân và phường Hưng Lộc trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng là yêu cầu cấp bách và cần thiết, nhằm tổ chức bộ máy chính quyền phù hợp trong quản lý điều hành, phát huy tiềm năng, lợi thế vốn có để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với Quy hoạch chung của thành phố Nam Định đã được phê duyệt.

a) Xã Nam Phong, thành phố Nam Định

Xã Nam Phong nằm ở phía Đông Nam thành phố Nam Định, phía Nam giáp xã Nam Vân, thành phố Nam Định, các mặt khác giáp sông Hồng và sông Đào. Xã có diện tích tự nhiên 6,57 km², dân số 9.158 người (dân số quy đổi tính đến 31/12/2022).

¹ sửa đổi tại điểm b, khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14

Năm 2017, xã Nam Phong đã đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM), hiện nay xã tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã phát triển nhanh, thay đổi toàn diện, nhất là hệ thống đường giao thông, trường học, trạm y tế... tạo ra diện mạo mới mang hình thái đô thị. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục ngày được nâng cao, phổ cập giáo dục được duy trì, các cấp học đều đạt chuẩn “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ngày càng tăng. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 64,65 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,46%. Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố. Đội ngũ cán bộ, công chức xã từng bước hoàn thiện, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, tinh thần phục vụ nhân dân. An ninh trật tự được giữ vững. Đặc biệt, cơ cấu kinh tế của xã Nam Phong đang có sự chuyển dịch tích cực, đến nay có khoảng trên 80% lao động của xã hoạt động trong các ngành nghề phi nông nghiệp. Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi mạnh, nhiều diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả đã được chuyển đổi sang trồng hoa, cây cảnh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Theo chủ trương mở rộng không gian phát triển của thành phố Nam Định về phía Nam, xã Nam Phong được định hướng nâng cấp lên phường, nằm trong quy hoạch khu vực phát triển đô thị mới Nam Sông Đào. Đây là khu vực được định hướng phát triển khu vực đô thị phía Nam sâu uất, tương xứng với đô thị hiện hữu gắn với cửa ngõ phía Đông Nam thành phố và vùng sinh thái nông nghiệp Nam Sông Đào. Để thực hiện mục tiêu trên, thời gian qua, thành phố Nam Định đã và đang triển khai nhiều dự án hạ tầng quan trọng trên địa bàn xã Nam Phong như: Dự án đường trục phía Nam thành phố; dự án khu dân cư tập trung Vạn Diệp và khu dân cư tập trung Đông Phong - Dịch Lễ. Đặc biệt, cầu Tân Phong do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác đã mở ra cơ hội để Nam Phong đẩy nhanh quá trình đô thị hóa.

b) Xã Nam Vân, thành phố Nam Định

Xã Nam Vân thuộc thành phố Nam Định, nằm hoàn toàn về phía Nam sông Đào. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 5,62 km², dân số 7.315 người (dân số quy đổi tính đến 31/12/2022). Cơ cấu kinh tế của xã trong những năm gần đây chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 61,65 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,55%. Đến nay, toàn xã có hơn 24 doanh nghiệp và 115 hộ sản xuất, kinh doanh, tổ chức các loại hình dịch vụ như: tài chính, viễn thông, vận tải, ăn uống, may mặc... cấu trúc không gian và bộ mặt kinh tế bắt đầu mang hình thái đô thị.

Để tạo sự bứt phá trong phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao thu nhập cho người dân, chính quyền các cấp tích cực đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh sự thay đổi về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, vệ sinh môi trường thực hiện chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng được quan tâm thường xuyên. Hiện, cả 10 thôn trong xã được công nhận Làng văn hóa; gần 80% hộ dân được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”. An ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội ổn định. Tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố vững mạnh; lòng tin của nhân dân ngày càng nâng cao.

c) Thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc

Thị trấn Mỹ Lộc là trung tâm của huyện Mỹ Lộc, cách trung tâm thành phố Nam Định khoảng 7,5 km, phía Đông giáp xã Mỹ Hưng. Tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng là 9,97 km², tổng số dân là 13.957 người (dân số quy đổi tính đến 31/12/2022). Thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng đều có Quốc lộ 21A là trục giao thông huyết mạch của tuyến Nam Định - Hà Nội chạy qua. Vị trí địa lí thuận lợi đó là điều kiện quan trọng để địa phương phát triển kinh tế năng động, đa dạng và hòa nhập cùng các địa phương khác trong và ngoài tỉnh. Những năm gần đây, cả hai đơn vị đều có sự phát triển mạnh về kinh tế, cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư và phát triển đồng bộ. Đến năm 2022, thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng đều được công nhận đạt NTM nâng cao năm 2021 với việc đáp ứng đủ 19/19 tiêu chí. Cơ cấu kinh tế của hai địa phương này có sự chuyển biến tích cực; cân đối thu chi ngân sách dương; đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, nếp sống đô thị ngày càng thể hiện rõ nét... cả hai địa phương đều nằm trong không gian quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng có vị trí liền kề nhau, có nhiều mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung, hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa, an ninh, quốc phòng. Việc thành lập phường Hưng Lộc trên cơ sở sáp nhập thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng góp phần tập trung phát huy các tiềm năng, điều kiện phát triển của cả hai địa phương, đáp ứng yêu cầu sắp xếp ĐVHC cấp xã, phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của Trung ương, đồng thời tạo động lực phát triển theo hướng Tây Nam của thành phố Nam Định.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số trong những năm qua đã có tác động rất lớn đến đời sống cũng như sinh hoạt của người dân trên địa bàn các xã, thị trấn: xã Nam Phong, xã Nam Vân (thành phố Nam Định), thị trấn Mỹ Lộc, xã Mỹ Hưng (huyện Mỹ Lộc). Quan hệ sản xuất, giao dịch hành chính, thương mại, nếp sống,... của người dân đã dần chuyển sang hình thái đô thị, hiện đại hơn, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, công tác xóa đói, giảm nghèo được quan tâm, chú trọng; giáo dục, y tế ngày một phát triển đáp ứng được nhu cầu của người dân. Tuy nhiên, những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã và đang đặt ra cho các xã nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý kinh tế, quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, kiến trúc đô thị, quản lý dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường do bộ máy quản lý hành chính nhà nước theo quy định vẫn được tổ chức theo mô hình chính quyền nông thôn.

Việc thành lập các phường đảm bảo sự phù hợp trong kết cấu không gian nội, ngoại thành của thành phố Nam Định trong tương lai; từng bước phát triển đô thị đảm bảo mục tiêu và tính chất theo Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Từ thực tế đó, việc thành lập các phường nêu trên là yêu cầu cấp bách và rất cần thiết, để tổ

chức bộ máy chính quyền phù hợp, quản lý điều hành, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế vốn có nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các địa phương.

2.2. Sự cần thiết phải sắp xếp ĐVHC cấp xã

Nhiều ĐVHC cấp xã quy mô quá nhỏ, không gian phát triển bị chia cắt, gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tầm vĩ mô cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng; nguồn lực của địa phương và Trung ương cho phát triển kinh tế - xã hội bị phân tán, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương. Việc tăng số lượng ĐVHC các cấp đã dẫn đến tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở địa phương tăng; ngân sách nhà nước chi cho hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị làm việc tăng; những ĐVHC càng nhỏ thì càng gặp khó khăn trong việc cân đối thu ngân sách tại địa phương với chi thường xuyên.

Việc sắp xếp ĐVHC là rất cần thiết nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; đồng thời phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã phù hợp với tình hình và xu thế phát triển của xã hội cũng như sự chuyển đổi về phương thức quản lý, điều hành trong giai đoạn hiện nay, nhất là việc triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, công dân số, xã hội số,...

Thông qua sắp xếp các ĐVHC cấp xã, thành phố từng bước đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế, cải cách chế độ tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Phát huy hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội trong từng địa phương và trên phạm vi toàn quốc; nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

1. Lịch sử hình thành

Thành phố Nam Định có lịch sử hơn 750 năm hình thành và phát triển. Năm 1262, nhà Trần đổi hương Tức Mặc (quê gốc của nhà Trần) thành phủ Thiên Trường, phủ Thiên Trường dọc bờ hữu ngạn sông Hồng. Trong suốt các thời kỳ lịch sử, từ phủ Thiên Trường (thời nhà Trần) cho đến ngày nay, thành phố Nam Định và tỉnh Nam Định đã trải qua các tên gọi: Thiên Trường, Sơn Nam, Vị Hoàng rồi Nam Định. Danh xưng “trấn Nam Định” chính thức có từ năm 1822 (thời vua Gia Long nhà Nguyễn). Đến năm 1832 vua Minh Mạng đặt tên là “tỉnh Nam Định” khi chia đất nước thành 31 tỉnh và kinh đô Huế. Tên gọi trong nhân dân “Thành Nam” bắt đầu từ khi nhà Nguyễn cho xây dựng thành Nam Định và cột cờ Nam Định vào khoảng năm 1812.

Thành phố Nam Định đã sớm trở thành một trung tâm văn hóa, chính trị, tôn giáo trong lịch sử Việt Nam ngay từ giữa thế kỷ XIII khi nhà Trần cho xây dựng phủ Thiên Trường (phường Lộc Vượng ngày nay). Thế kỷ XIII - XIV, Thiên Trường là một trung tâm hành chính, kinh tế, giao thương phát triển. Thời phong kiến về sau: nhà Lê, nhà Nguyễn, Sơn Nam - Vị Hoàng là một trong sáu nơi trong cả nước có trường thi Hương. Thời nhà Nguyễn, Nam Định là một trong ba đô thị (Hà Nội, Huế, Nam Định) được dựng cột cờ.

Từ giữa thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp đánh chiếm “Thành Nam”, tiếp nối tinh thần yêu nước bất khuất của ông cha, phong trào chống Pháp bùng lên mạnh mẽ. Năm 1884, sau khi chiếm được Nam Định, thực dân Pháp đã xây dựng phố xá, chợ, bến tàu thủy, các nhà máy, xưởng sản xuất nhỏ... Năm 1889, tư bản người Pháp mở rộng quy mô sản xuất, xây nhà máy dệt, nhà máy sợi lớn nhất Đông Dương. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, thành phố Nam Định trở thành một trung tâm công nghiệp lớn của Bắc Kỳ và toàn xứ Đông Dương. Trên cơ sở đó, ngày 17/10/1921, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập thành phố Nam Định, hưởng quy chế của thành phố cấp III, đưa thành phố Nam Định trở thành một trong những thành phố đầu tiên được chính quyền thực dân Pháp lập ra ở Liên bang Đông Dương; một trong 3 thành phố ở Bắc Bộ.

Nghị định thành lập thành phố Nam Định là cơ sở để chính quyền Pháp xây dựng các công sở như: Tòa Công sứ, Sở Kho bạc, Sở Thương chính, Nhà dây thép, Sở Y tế, Sở Lục lộ (công chính), Sở Giám binh, Đè lao, Sở mật thám... và xây dựng thêm nhiều nhà máy, xí nghiệp như: Nhà máy chai, Nhà máy rượu, Nhà máy tơ, Nhà máy nước, Nhà máy điện... Đồng thời thực hiện quy hoạch, xây dựng 09 khu phố

và 40 phố, hình thành các phố chuyên sản xuất, kinh doanh một mặt hàng như: hàng Đồng, hàng Đường, hàng Giấy, phố Khách, hàng Sắt, hàng Rượu... Tư bản Pháp, Hoa Kiều cũng xây dựng nhiều khách sạn, nhà hàng phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí như: Phẩm Anh Nghi, Nam Việt, Viễn Lai Lầu, Quảng Nguyên, Quảng Hưng... Các chợ phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa phát triển, có 4 chợ lớn là: chợ Ròng, chợ Phụng, chợ Vị Hoàng, chợ Cửa Trường. Diện tích của thành phố đến năm 1942 ước tính trên 6 km² (dài khoảng 4,4 km, rộng 1,4 km), kết cấu đường phố theo kiểu ô bàn cờ với các vườn hoa, quảng trường làm điểm nhấn. Dân số thành phố năm 1928 khoảng 3,5 vạn người, đến năm 1942 tăng lên khoảng trên 4,2 vạn người.

Đề thuận lợi cho giao thương, buôn bán hàng hóa, ngoài việc phát triển các tuyến đường thủy trên sông Đào, sông Hồng (bến Đò Chè, bến Đò Quan), thực dân Pháp còn mở tuyến đường sắt Hà Nội - Sài Gòn đi qua ga chính Nam Định (hoàn thành năm 1903), mở rộng, nâng cấp các tuyến đường bộ liên tỉnh, liên huyện. Diện mạo của “Thành Nam” thế kỷ XVIII, XIX là thành thị phong kiến với phần thành nặng hơn phần thị, đến đầu thế kỷ XX là một thành phố có cấu trúc đô thị hiện đại kiểu phương Tây với nhiều chức năng, mà chủ yếu là chức năng kinh tế - thương mại, có các cơ sở hạ tầng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 77, ngày 21/12/1945 quyết định thành phố Nam Định là một trong số 8 thành phố của cả nước (cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Vinh - Bến Thủy, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Sài Gòn - Chợ Lớn). Thành phố Hà Nội đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Chính phủ Trung ương, các thành phố khác đặt dưới sự quản lý của các kỳ (sau đổi thành bộ). Thành phố Nam Định do Bắc Kỳ (Bắc Bộ) quản lý. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thành phố Nam Định có một số thay đổi về địa giới, ngày 15/9/1950 sáp nhập 4 xã: Lộc An, Mỹ Xá, Lộc Hạ, Lộc Hòa của huyện Mỹ Lộc vào thành phố. Đến ngày 03/9/1957, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 405/TTg sáp nhập thành phố Nam Định vào tỉnh Nam Định, là tỉnh lỵ của tỉnh Nam Định. Đến ngày 08/8/1964, chuyển 5 xã: Lộc An, Lộc Hạ, Lộc Hòa, Lộc Vượng, Mỹ Xá về huyện Mỹ Lộc quản lý.

Năm 1965, hai tỉnh Hà Nam và Nam Định sáp nhập thành tỉnh Nam Hà, thành phố Nam Định trở thành tỉnh lỵ của tỉnh Nam Hà. Ngày 13/6/1967, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 76-CP, sáp nhập toàn bộ huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định.

Năm 1975, hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình sáp nhập thành tỉnh Hà Nam Ninh, thành phố Nam Định là tỉnh lỵ của tỉnh Hà Nam Ninh, có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc, gồm 10 phường: Cửa Bắc, Năng Tĩnh, Nguyễn Du, Phan Đình Phùng, Quang Trung, Trần Đăng Ninh, Trần Hưng Đạo, Trần Tế Xương, Trường Thi, Vị Xuyên và 15 xã: Lộc An, Lộc Hạ, Lộc Hòa, Lộc Vượng, Mỹ Hòa, Mỹ Hưng, Mỹ Phúc, Mỹ Tân, Mỹ Thắng, Mỹ Thành, Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Trung, Mỹ Xá. Ngày 27/4/1977, sáp nhập 09 xã: Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Thành, Mỹ

Hòa, Mỹ Thắng, Mỹ Phúc, Mỹ Hưng, Mỹ Trung vào huyện Bình Lục. Ngày 12/01/1984, sáp nhập lại 02 xã: Mỹ Trung và Mỹ Phúc thuộc huyện Bình Lục vào thành phố Nam Định. Ngày 23/4/1985, chia phường Trường Thi thành 2 phường: Trường Thi và Văn Miếu; chia phường Năng Tĩnh thành 2 phường: Năng Tĩnh và Ngô Quyền; chia phường Cửa Bắc thành 2 phường: Cửa Bắc và Bà Triệu; chia phường Vị Xuyên thành 2 phường: Vị Xuyên và Vị Hoàng; chia phường Trần Tế Xương thành 2 phường: Trần Tế Xương và Hạ Long. Thời điểm này, thành phố Nam Định có 23 ĐVHC cấp xã trực thuộc.

Ngày 26/12/1991, tỉnh Hà Nam Ninh được chia lại thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình, thành phố Nam Định trở lại là tỉnh lỵ tỉnh Nam Hà. Từ ngày 06/11/1996, tỉnh Nam Hà tách thành 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam, thành phố Nam Định tiếp tục là tỉnh lỵ tỉnh Nam Định (chuyên 7 xã: Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Thành, Mỹ Hưng, Mỹ Hòa, Mỹ Thắng thuộc huyện Bình Lục của tỉnh Hà Nam về thành phố Nam Định quản lý). Thời điểm này, thành phố Nam Định có 30 ĐVHC cấp xã trực thuộc.

Ngày 02/01/1997, sáp nhập 2 xã: Nam Phong và Nam Vân của huyện Nam Ninh (nay là 2 huyện Nam Trực và Trực Ninh) vào thành phố Nam Định. Ngày 26/02/1997, tách 11 xã: Mỹ Trung, Mỹ Hưng, Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Thịnh, Mỹ Tiến, Mỹ Thuận, Mỹ Thành, Mỹ Tân, Lộc Hòa để tái lập huyện Mỹ Lộc theo Nghị định số 19-CP của Chính phủ. Ngày 06/9/1997, chuyển xã Lộc Hòa của huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định. Thời điểm này, thành phố Nam Định có 22 ĐVHC cấp xã trực thuộc.

Ngày 24/9/1998, thành phố Nam Định được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại II tại Quyết định số 183/1998/QĐ-TTg, đưa thành phố trở thành một trong các đô thị lớn của cả nước khi đó.

Ngày 9/01/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2004/NĐ-CP, theo đó, thành lập phường Lộc Vượng từ xã Lộc Vượng; thành lập phường Lộc Hạ từ xã Lộc Hạ; thành lập phường Thống Nhất từ một phần của xã Lộc Vượng, xã Lộc Hạ, phường Quang Trung, phường Vị Hoàng; thành lập phường Cửa Nam từ một phần của các xã: Nam Phong, Nam Vân; thành lập phường Trần Quang Khải trên cơ sở một phần của phường Năng Tĩnh. Thời điểm này, Thành phố Nam Định có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc (20 phường, 05 xã).

Bằng quá trình vươn lên, phát triển không ngừng, ngày 28/11/2011, thành phố Nam Định đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I tại Quyết định số 2016/QĐ-TTg.

Ngày 16/7/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH14, theo đó đã thành lập phường Lộc Hòa từ xã Lộc Hòa, thành lập phường Mỹ Xá từ xã Mỹ Xá. Từ thời điểm đó đến nay, thành phố Nam Định có 25 ĐVHC cấp xã trực thuộc (22 phường, 03 xã).

Ngày 17/9/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1422/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thành phố Nam Định mở rộng không gian, đầu tư xây dựng hiện đại, xứng tầm là đô thị lớn của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng. Theo đó, phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ thành phố Nam Định hiện nay diện tích 46,41 km²; huyện Mỹ Lộc 74,49 km²; 3 xã Đại An, Thành Lợi, Tân Thành của huyện Vụ Bản 26,48 km² và 5 xã: Nam Mỹ, Nam Toàn, Hồng Quang, Điền Xá, Nghĩa An của huyện Nam Trực 40,6 km², với tổng diện tích khoảng 188 km². Quy mô dân số của thành phố Nam Định đến năm 2030 khoảng 520.000 người; trong đó dân số nội thị khoảng 384.500 người. Đến năm 2040, dân số khoảng 600.000 người, trong đó dân số nội thị khoảng 485.000 người.

Tháng 6/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về xây dựng phát triển thành phố. Thường trực Tỉnh ủy đã có thông báo chủ trương đầu tư các công trình lớn trên địa bàn và chủ trương thực hiện mở rộng địa giới hành chính theo quy hoạch. Thành phố Nam Định phát triển theo mô hình đa cực, lấy sông Đào và đô thị trung tâm hiện hữu làm trung tâm mở rộng, kết nối theo hướng Tây Bắc và Đông Nam. Mục tiêu đến năm 2030, thành phố Nam Định là đô thị trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng; là trung tâm một số ngành công nghiệp, đào tạo, khoa học, y tế, thể thao, dịch vụ, du lịch cho vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Đến năm 2040, thành phố Nam Định là thành phố lớn, trung tâm công nghiệp, dịch vụ trong cả nước, là đô thị thông minh, thành phố đáng sống với bản sắc và các giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy.

2. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

2.1. Vị trí địa lý

Thành phố Nam Định nằm ở phía Bắc của tỉnh Nam Định, là trung tâm của tiểu vùng phía Nam đồng bằng sông Hồng. Thành phố Nam Định nằm trong phạm vi tọa độ địa lý: từ 24⁰24' đến 20⁰27' vĩ độ Bắc, từ 106⁰07' đến 106⁰12' kinh độ Đông.

Các đơn vị hành chính tiếp giáp thành phố Nam Định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Mỹ Lộc;
- Phía Nam giáp huyện Vụ Bản và huyện Nam Trực;
- Phía Đông giáp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Phía Tây giáp huyện Mỹ Lộc và huyện Vụ Bản;

Thành phố Nam Định có Quốc lộ 10 đi qua và kết nối thuận lợi với hành lang phát triển ven biển dọc theo vùng duyên hải Bắc Bộ, có vị trí trung tâm của chùm đô thị gồm các thành phố là trung tâm tỉnh lỵ của các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình và Thái Bình.

2.2. Đặc điểm tự nhiên

- a) Địa hình, địa mạo

Thành phố Nam Định nằm giữa châu thổ sông Hồng nên địa hình tự nhiên tương đối bằng phẳng, hướng dốc địa hình từ Tây sang Đông, cao độ từ 0,3 m đến 5,7 m so mực nước biển. Trên địa bàn có nhiều ao, hồ, kênh mương với sông Đào chảy qua giữa thành phố theo hướng Bắc - Tây Nam. Thành phố Nam Định có 3 lưu vực tiêu thoát nước chính: lưu vực phía Tây Nam với kênh chính là Kênh Gia, lưu vực phía Bắc với kênh chính là T3-11; lưu vực 3 phường, xã phía nam sông Đào với kênh chính là CT2. Nhìn chung địa hình thành phố ổn định, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình hạ tầng và nhà ở dân cư cũng như cấp và tiêu thoát nước.

b) Thủy văn

Tài nguyên nước của thành phố Nam Định khá phong phú, dày đặc với mật độ sông 0,5- 0,7 km/km², hướng chảy chủ yếu là Tây Bắc - Đông Nam. Chế độ thủy văn của thành phố phụ thuộc nhiều vào 2 con sông lớn, có lưu lượng dòng chảy cao là sông Hồng, sông Đào. Nguồn nước mặt của thành phố Nam Định cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt chủ yếu là sông Đào. Ngoài ra trên địa bàn có hơn 22km kênh mương hở, hơn 10 hồ lớn với tổng diện tích trên 60 ha và hàng trăm ao nhỏ nằm ở các xã ngoại thành đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và điều hoà không khí, tạo cảnh quan “xanh” cho thành phố.

Trên địa bàn thành phố Nam Định có nguồn nước ngầm tương đối phong phú, nằm ở tầng chứa nước lỗ hổng Plutocen, độ sâu trung bình 40-120m, chưa được khai thác nhiều để phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân do chất lượng nước chưa đảm bảo.

c) Khí hậu

Thành phố Nam Định mang đầy đủ đặc điểm của tiểu khí hậu vùng đồng bằng sông Hồng là khí hậu nhiệt đới gió mùa, với đặc trưng nổi bật là nóng, ẩm, mưa nhiều và có 4 mùa rõ rệt:

- Nhiệt độ: nền nhiệt độ cao, nhiệt độ trung bình khoảng 23-24⁰C. Mùa đông có nhiệt độ trung bình là 19,5⁰C, tháng 1 và tháng 2 nhiệt độ thấp nhất, có thể xuống tới 12⁰C. Mùa hè nhiệt độ trung bình là 27,8⁰C, tháng nóng nhất là tháng 5 và tháng 6, nhiệt độ có thể lên tới 39⁰C.

- Độ ẩm không khí trung bình hàng năm khá cao (khoảng 84%) và thay đổi theo mùa. Tháng 3 có độ ẩm cao nhất, đạt tới 94%, tháng 11 có độ ẩm thấp nhất là 65%.

- Lượng mưa khá lớn, trung bình năm từ 1.470 mm và phân hóa theo mùa. Mùa nóng mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm khoảng 70-75% lượng mưa cả năm, đặc biệt lớn vào tháng 7, 8, 9. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tháng ít mưa nhất là tháng 12, tháng 1 và tháng 2.

- Nắng: hàng năm có tới 250 ngày nắng, tổng số giờ nắng 1.650-1.700 giờ, mùa hè đến mùa thu có tới 1.100-1.200 giờ (chiếm 70% giờ nắng/năm).

- Gió: hướng gió thịnh hành trong năm thay đổi theo mùa. Mùa đông gió thịnh hành theo hướng Bắc với tần suất 70 - 80%, tốc độ gió trung bình 2,4-2,6 m/s; những tháng cuối mùa đông gió chuyển dần theo hướng Đông. Mùa hè hướng gió thịnh

hành theo hướng Đông Nam với tần suất 50 - 70%, tốc độ gió từ 1,9-2,2 m/s. Mùa hè thường có bão, tập trung vào tháng 7, 8, 9 trong năm, bình quân 4 - 6 trận bão/năm.

3. Vai trò, chức năng

Trải qua nhiều lần sáp nhập, chia tách tỉnh, thành phố Nam Định luôn được xác định là Trung tâm chính trị - kinh tế - khoa học kỹ thuật của tỉnh Hà Nam Ninh, tỉnh Nam Hà và nay là tỉnh Nam Định. Thành phố nằm ở trung tâm khu vực phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng (gồm 4 tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình); nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Bắc (Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh). Như vậy, thành phố Nam Định có tầm ảnh hưởng quan trọng tới sự phát triển của tỉnh Nam Định nói riêng và vùng Nam đồng bằng sông Hồng nói chung theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị.

Theo Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 23/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 đã xác định: *“Phát triển thành phố Nam Định thành đô thị trung tâm khu vực phía Nam đồng bằng sông Hồng với các ưu tiên phát triển là công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đào tạo và chữa bệnh cho tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng và chùm đô thị Ninh Bình, Thái Bình và các đô thị ven biển”*. Đối với tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng (gồm các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định), Quy hoạch đã xác định: *Phát triển thành phố Nam Định thành một trung tâm chuyển giao khoa học - công nghệ, tập trung vào công nghệ sinh học như lai tạo, sản xuất giống cây, giống con có năng suất, chất lượng cao.*

Trong tỉnh Nam Định, thành phố Nam Định nằm ở phía Bắc, là cửa ngõ vào tỉnh Nam Định từ phía Thái Bình và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh. Tại Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt tại Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 đã định hướng: *(1) Xây dựng khu kinh tế trung tâm bao gồm thành phố Nam Định và khu vực phụ cận: huyện Mỹ Lộc, huyện Vụ Bản, huyện Nam Trực. Phát triển thành phố Nam Định trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, là đô thị trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng; là trung tâm đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, chăm sóc sức khỏe, hóa dược phẩm, dịch vụ du lịch cho vùng Nam đồng bằng sông Hồng; là trung tâm dịch vụ chất lượng cao, trung tâm công nghiệp - công nghệ cao như công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm của vùng; (2) Thành phố Nam Định là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội của tỉnh Nam Định. Là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và xã hội của vùng Nam đồng bằng sông Hồng.*

Ngày 17/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1422/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định *“Thành phố Nam Định là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định; đồng thời là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - đào tạo, y tế, dịch vụ du lịch của vùng Nam đồng bằng sông Hồng, là đô thị có các giá trị văn hóa, lịch sử*

nổi trội và khu vực vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh”.

4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, tổng diện tích tự nhiên của toàn thành phố là: 4.641,41 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 1.93,2 ha, chiếm tỷ lệ 32,2%.
- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 3.119,41 ha, chiếm tỷ lệ 67,2%.
- Diện tích đất chưa sử dụng là: 28,8 ha, chiếm tỷ lệ 0,6%.

5. Dân số và lao động

a) Dân số

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, dân số của toàn thành phố Nam Định là 280.136 người (đã bao gồm dân số quy đổi)

Cơ cấu dân số theo độ tuổi: dưới tuổi lao động: 22,9%; trong tuổi lao động: 58,3%; trên tuổi lao động: 18,8%. Dân số thành thị chiếm 75,8%; dân số nông thôn chiếm 24,2%. Theo giới tính: nam chiếm 48,5%; nữ chiếm 51,5%.

b) Lao động

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế của thành phố là 115.046 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là: 4.930 người, chiếm 4,3%;
- Lao động phi nông nghiệp là: 110.116 người, chiếm 95,7%.

6. Tình hình phát triển kinh tế

Năm 2022, quy mô kinh tế thành phố Nam Định đạt 75.029 tỷ đồng, tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 đạt 12,16%, thu nhập bình quân đầu người đạt 6,77 triệu/tháng. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, giảm tương đối các ngành nông nghiệp. Năm 2022, ngành Nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 0,48%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 75,62%; ngành Dịch vụ chiếm 23,9%.

a) Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 2010 đạt 20.946 tỷ đồng, so cùng kỳ tăng 15,18%, vượt kế hoạch. Cụm công nghiệp An Xá có 72 doanh nghiệp đang hoạt động, tổng mức đầu tư của các doanh nghiệp tại đây đạt 1.500 tỷ đồng; doanh thu năm 2022 đạt 3.810 tỷ đồng; nộp ngân sách nhà nước 50 tỷ đồng; số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp tại đây là 3.800 người với mức lương bình quân khoảng 5,5 triệu đồng/tháng.

Về công tác xây dựng, thành phố tập trung chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thi công, thực hiện thủ tục các dự án trọng điểm. Hoàn thành đưa vào sử dụng 04 công trình,

tiếp tục thi công 10 công trình và khởi công mới 02 công trình, đồng thời triển khai thủ tục đầu tư nhiều dự án khác.

b) Về thương mại - dịch vụ, du lịch

Năm 2022, tổng giá trị xuất khẩu của thành phố đạt 1.525 triệu USD, tăng 17,4%. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 19.406 tỷ đồng, tăng 14,76% so với năm 2021.

c) Về nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá so sánh 2010 đạt 227,5 tỷ đồng trong năm 2022. Tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 1.158 ha, năng suất ước đạt 88,76 tạ/ha. Sản lượng thóc cả năm đạt 5.212 tấn. Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, không để lây lan trên diện rộng; sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm 2022 đạt gần 2.800 tấn. Thành phố đã đánh giá, phân hạng 7 sản phẩm tham gia chương trình OCOP trên địa bàn trong đó có 02 sản phẩm mới, 05 sản phẩm công nhận lại.

d) Thu, chi ngân sách trên địa bàn thành phố

Năm 2022, thu ngân sách trên địa bàn thành phố đạt 1.199 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 1.067 tỷ đồng.

7. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội

a) Về lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao của thành phố trong nhiều năm vừa qua luôn được duy trì, phát triển mạnh mẽ. Thể hiện cụ thể trong việc liên tục tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, chương trình nghệ thuật chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của dân tộc tạo không khí vui tươi, phấn khởi, đoàn kết trong Nhân dân. Hoạt động lễ hội, tín ngưỡng trên địa bàn được quản lý tốt. Đặc biệt hàng năm các hoạt động liên quan đền Trần như: Lễ hội Khai ấn, Lễ dâng hương ... luôn được tổ chức đảm bảo đúng nghi lễ, thuần phong mỹ tục, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình tổ chức.

Hàng năm, Thành phố duy trì tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp; Triển khai thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn thành phố; Duy trì công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông, kịp thời chấn chỉnh, xử lý vi phạm theo quy định.

b) Về giáo dục và đào tạo

Hoạt động giáo dục và đào tạo của thành phố Nam Định luôn được duy trì là một trong các địa phương dẫn đầu toàn tỉnh. Năm 2021-2022, được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng cờ đơn vị dẫn đầu khối các phòng giáo dục - đào tạo huyện và thành phố.

Trong nhiều năm liền, thành phố luôn duy trì là địa phương đạt các giải cao nhất trong các hội thi, giao lưu, các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Thành phố cũng luôn duy trì là địa phương có nhiều đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học; sử dụng thiết bị, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh.

c) Về lĩnh vực y tế

Ngành Y tế thành phố thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân; chủ động triển khai các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19, các bệnh liên quan đến trẻ em, ... Triển khai các nhiệm vụ, công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; kiểm tra hành nghề y dược tư nhân; các Kế hoạch về đảm bảo an toàn thực phẩm trong các dịp lễ, tết, ... Đến năm 2022, có 22/25 đơn vị phường, xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế (đạt 88%). Duy trì tổ Ngày hội hiến máu tình nguyện, trong năm 2022, đạt được 1.141 đơn vị máu, vượt 42,6% chỉ tiêu tỉnh giao (800 đơn vị máu).

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm theo quy định. Tỷ lệ bao phủ BHYT cả năm đạt 95% dân số.

8. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Nhà ở

Trên địa bàn thành phố có nhiều loại hình nhà ở gồm: chung cư, nhà mặt phố, nhà vườn, biệt thự, ... Về chất lượng nhà ở: tỉ lệ nhà kiên cố chiếm gần 90%, nhà bán kiên cố chiếm 9,87%. Các khu dân cư nội thành, các khu ở trong đô thị được chính quyền thành phố quan tâm, nhiều dự án chỉnh trang đô thị được lập, đã và đang được triển khai .

b) Trung tâm thương mại - chợ

Thành phố có 20 chợ, 03 trung tâm thương mại, 12 cửa hàng tiện dụng của hệ thống Winmart và 11 siêu thị đang hoạt động. Trong đó có 02 chợ hạng I, 02 chợ hạng II, 16 chợ hạng III đảm bảo phục vụ nhu cầu của nhân dân.

c) Giao thông

Thành phố Nam Định là đầu mối giao thông cấp quốc gia, cấp vùng cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy. Mạng lưới giao thông đường bộ đối ngoại của thành phố đã được nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh gồm 4 tuyến Quốc lộ (QL): QL 21, QL 21B, QL 10, QL 38B và hệ thống đường tỉnh (ĐT): ĐT 490C, ĐT 486C. Đường sắt Bắc - Nam chạy qua thành phố có khổ 1m. Ga Nam Định là một trong những ga trung tâm vận chuyển hành khách và hàng hóa thông thương giữa Nam Định và các địa phương trong cả nước. Về đường thủy: tuyến vận tải chính qua hệ thống sông Đào là tuyến Quảng Ninh - Ninh Bình.

Giao thông đô thị với chiều dài tuyến chính đô thị là 191,5 km và đường khu công nghiệp là 31,23 km đã được trải nhựa. Giao thông công cộng tại thành phố chỉ

gồm loại hình xe buýt phục vụ hành khách từ thành phố đi các huyện và ngược lại. Ngoài ra, trên địa bàn còn có hệ thống taxi của các hãng Mai Linh, Hoàng Sa, Nam Định, ... phục vụ người dân.

d) Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn cấp điện của thành phố Nam Định tới từ 05 trạm (01 trạm 220kV, 04 trạm 110kV). Lưới phân phối thành phố vận hành ở 2 cấp điện áp là 35kV và 22kV. Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực nội thành và một số tuyến đường chính. Hình thức chiếu sáng chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng bóng Natri cao áp với công suất từ 220V - 150W đến 220V - 400W. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư xa trung tâm chưa được đầu tư.

e) Cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Thành phố hiện đang sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng và sông Đào làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất. Các trạm bơm nước thô tại bờ Tây sông Đào thuộc thành phố Nam Định và nhà máy nước sản xuất nước sạch thành phố có công suất khá lớn; mạng lưới cấp nước gồm các tuyến ống cấp 1 có đường kính từ 110 mm đến 800 mm (chiều dài trên 100.000 m), tuyến ống cấp 2 có đường kính từ 32 mm đến 90 mm (chiều dài trên 950.000 m). Hạ tầng trên đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% dân số thành phố.

Hệ thống thoát nước thành phố đã được đầu tư xây dựng từ thời Pháp thuộc, qua các thời kỳ đã sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, phát triển đến nay đã tương đối hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước hiện tại là thoát nước chung cho cả nước thải và nước mưa, riêng các khu đô thị mới được thiết kế riêng biệt 2 hệ thống này. Nước thải y tế của các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện đã được xử lý đạt quy chuẩn môi trường. Các khu, cụm công nghiệp đều có trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung.

g) Viễn thông

Trên địa bàn thành phố hiện có 3 nhà mạng di động (Vinaphone, Mobiphone, Viettel) cung cấp dịch vụ di động. Về cung cấp dịch vụ internet có 2 đơn vị là Viễn thông Nam Định và Viễn thông Quân đội. Mạng internet tốc độ cao ADSL đã triển khai cung cấp dịch vụ toàn thành phố.

h) Vệ sinh môi trường, nhà tang lễ

Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn thành phố được công ty TNHH MTV Môi trường Nam Định thu gom và xử lý tại khu liên hợp xử lý CTR Lộc Hòa. Mỗi ngày lượng thu gom trên địa bàn thành phố khoảng 200 tấn/ngày, đạt tỉ lệ thu gom khoảng 90%. Công nghệ xử lý rác thải đang được sử dụng là sản xuất phân Compost, chôn lấp hợp vệ sinh và lò đốt.

Công tác hỏa táng được tiến hành tại Đài hóa thân ở công viên nghĩa trang Thanh Bình (xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Lộc) với hệ thống xử lý 100% khói bụi, đảm bảo vệ sinh môi trường và tiết kiệm năng lượng.

9. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ theo quy định. Hàng năm, xây dựng, tổ chức triển khai Chi thị, Nghị quyết, Kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương, tổ chức Lễ giao nhận quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, đảm bảo an toàn, đúng luật. Công tác tổ chức diễn tập chiến đấu được duy trì thường xuyên qua các năm.

Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ, Luật về lực lượng Dự bị động viên. Thực hiện tốt công tác chính sách xã hội và chính sách hậu phương quân đội.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Triển khai lực lượng bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội lớn trên địa bàn; bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước về thăm, làm việc trên địa bàn tỉnh, thành phố. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ. Số vụ tai nạn giao thông và thương vong trong các năm gần đây có xu hướng năm sau giảm so với năm trước.

10. Hiện trạng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố Nam Định và các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Thành ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (Thành ủy) nhiệm kỳ 2020-2025 có 41 người.

+ Ban Thường vụ Thành ủy có 13 người.

+ Các cơ quan trực thuộc Thành ủy gồm: Văn phòng Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố.

- Tổng số cán bộ, công chức: 44 người (số lượng biên chế được giao: 47 người).

b) Chính quyền (HĐND, UBND thành phố)

- HĐND Thành phố:

+ HĐND Thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức như sau: 01 Chủ tịch HĐND thành phố hoạt động kiêm nhiệm; 01 Phó Chủ tịch Thường trực HĐND Thành phố hoạt động chuyên trách; 01 Phó Chủ tịch HĐND Thành phố kiêm Trưởng ban Pháp chế hoạt động chuyên trách; 01 Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban Kinh

tế - Xã hội hoạt động chuyên trách; 01 Phó Trưởng ban Pháp chế hoạt động chuyên trách.

+ HĐND thành phố có 02 Ban trực thuộc: Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế; mỗi Ban gồm 07 thành viên: 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 05 thành viên hoạt động kiêm nhiệm là lãnh đạo của các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của thành phố.

+ Tổng số đại biểu HĐND thành phố: 35 đại biểu chia làm 4 tổ. Số đại biểu hiện có 31 đại biểu (03 đại biểu chuyên công tác, 01 đại biểu từ trần).

- UBND thành phố:

+ UBND thành phố nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 14 thành viên, trong đó lãnh đạo thường trực có 03 người (01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch) và 11 Ủy viên. Theo trình độ chuyên môn: có 09 người có trình độ thạc sỹ; 05 người có trình độ Đại học. Theo trình độ chính trị: 14/14 người có trình độ cao cấp.

+ UBND thành phố có 12 phòng ban chuyên môn trực thuộc gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Thanh tra thành phố và các phòng: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Văn hóa và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Quản lý đô thị; Lao động - Thương binh và Xã hội, .

- Tổng số công chức hiện có: 100 người (số lượng biên chế được giao: 121 người). Theo trình độ chính trị: 29 người có trình độ cao cấp; 02 người có trình độ cử nhân; 42 người có trình độ trung cấp; 28 người có trình độ sơ cấp. Theo trình độ chuyên môn: 31 người có trình độ thạc sỹ; 69 người có trình độ đại học.

- Hệ thống tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố gồm: 02 đơn vị sự nghiệp Văn hóa thông tin (Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao; Ban Quản lý Di tích lịch sử văn hóa Đền Trần); 06 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Trung tâm Dạy nghề và giới thiệu việc làm; Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp; Đội Quản lý trật tự đô thị; Ban Quản lý Chợ; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng); 01 tổ chức Hội (Hội Chữ thập đỏ) và 66 đơn vị sự nghiệp giáo dục với tổng số viên chức là 2.197 người, trong đó:

+ Theo trình độ chuyên môn: có 01 người có trình độ Tiến sỹ; 42 người có trình độ Thạc sỹ; 1.624 người có trình độ Đại học; 417 người có trình độ Cao đẳng; 99 người có trình độ Trung cấp; 14 người có trình độ khác.

+ Theo trình độ chính trị: có 14 người có trình độ cao cấp; 207 người có trình độ trung cấp ; 804 người có trình độ sơ cấp; 1.121 có trình độ khác.

- Tổng số cán bộ, công chức tại Đảng ủy, HĐND và UBND tại 25 xã, phường là 481 người; tổng số người hoạt động KCT ở xã, phường là 184 người; tổng số người hoạt động KCT ở thôn (xóm), tổ dân phố là 563 người.

c) Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thành phố

- Về mặt tổ chức có: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố (Thành Đoàn), Hội Nông dân thành phố, Hội Cựu chiến binh thành phố.

- Tổng số số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiện có là 25 người (số lượng biên chế được giao là 31 người).

d) Các cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố)

- Toà án nhân dân thành phố: 30 người, trong đó có 27 công chức, 03 lao động hợp đồng. Tổ chức bộ máy cụ thể là: 01 Chánh án, 02 Phó Chánh án, 11 Thẩm phán, 09 Thư ký, 01 Thẩm tra viên, 01 Kế toán, 05 cán bộ văn phòng.

- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố: 31 người, trong đó có 01 Viện trưởng, 03 Phó Viện trưởng, 17 Kiểm sát viên sơ cấp, 05 Kiểm tra viên, 01 Kế toán, 01 công chức khác, 03 lao động hợp đồng.

e) Các cơ quan, đơn vị của ngành dọc đóng trên địa bàn

- Công an thành phố: biên chế 610 người. Tổ chức bộ máy gồm 04 người lãnh đạo; 37 đơn vị (606 người) trong đó: 22 Công an phường (281 người), 12 đội nghiệp vụ (305 người) và 03 Công an xã (20 người).

- Ban Chỉ huy Quân sự thành phố có tổ chức bộ máy gồm Ban Chỉ huy (06 người) và 03 cơ quan (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần - Kỹ thuật) gồm 32 người. Tổng số cán bộ, chiến sĩ: 38 người, trong đó Sĩ quan 22; Quân nhân chuyên nghiệp 16 người.

- Bảo hiểm Xã hội thành phố đã bàn giao toàn bộ nhiệm vụ, tài chính, tài sản và nhân sự về BHXH tỉnh Nam Định từ ngày 01/01/2020.

- Chi cục Thống kê thành phố: 06 người (05 công chức và 01 lao động hợp đồng). Tổ chức gồm 01 Chi cục trưởng và các Thống kê viên.

- Đội Quản lý Thị trường số 1: 10 người, gồm: 01 Đội trưởng, 02 Phó Đội trưởng, 05 kiểm soát viên thị trường và 02 kiểm soát viên trung cấp thị trường.

- Chi cục Thuế khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc: 138 người, trong đó: công chức 128 người, lao động hợp đồng 10 người). Tổ chức bộ máy gồm lãnh đạo Chi cục Thuế (01 Chi cục trưởng, 04 Phó Chi cục trưởng) và 08 đội chức năng.

- Kho bạc Nhà nước thành phố Nam Định đã sáp nhập vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định theo Quyết định số 1617/QĐ-BTC ngày 22/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN MỸ LỘC

1. Lịch sử hình thành

Huyện Mỹ Lộc xưa là một trong các huyện thuộc phủ Thiên Trường. Phủ Thiên Trường gồm 4 huyện: Mỹ Lộc, Thượng Nguyên, Nam Chân và Giao Thủy. Đầu thế

kỷ XX, huyện Mỹ Lộc có 10 tổng, 83 xã. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, huyện Mỹ Lộc gồm có 20 xã và đã qua nhiều lần điều chỉnh địa giới. Ngày 01/9/1950, chuyển 04 xã: Lộc An, Mỹ Xá, Lộc Hạ, Lộc Hoà về thành phố Nam Định. Năm 1953, chuyển 05 xã: Mỹ Toàn, Mỹ An, Mỹ Đồng, Mỹ Phong, Mỹ Điền sang huyện Nam Trực.

Đến ngày 25/9/1954, chuyển 04 xã: Lộc An, Mỹ Xá, Lộc Hạ, Lộc Hoà từ thành phố Nam Định về huyện Mỹ Lộc. Năm 1965, hai tỉnh Hà Nam và Nam Định sáp nhập thành tỉnh Nam Hà, huyện Mỹ Lộc thuộc tỉnh Nam Hà.

Ngày 13/6/1967, Hội đồng Chính phủ quyết định sáp nhập toàn bộ huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định. Năm 1975, hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình sáp nhập thành tỉnh Hà Nam Ninh. Ngày 26/12/1991, tỉnh Hà Nam Ninh được chia lại thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình. Ngày 6/11/1996, tỉnh Nam Hà được chia lại thành hai tỉnh Hà Nam và tỉnh Nam Định.

Ngày 26/02/1997, huyện Mỹ Lộc được tái lập theo Nghị định số 19-CP của Chính phủ, trên cơ sở 11 xã: Mỹ Trung, Mỹ Hưng, Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Thịnh, Mỹ Tiến, Mỹ Thuận, Mỹ Thành, Mỹ Tân, Lộc Hòa của thành phố Nam Định. Ngày 06/9/1997, chuyển xã Lộc Hòa của huyện Mỹ Lộc vào thành phố Nam Định. Thời điểm này, huyện Mỹ Lộc có 10 ĐVHC cấp xã (10 xã).

Ngày 14/11/2003, thành lập thị trấn Mỹ Lộc - thị trấn huyện lỵ huyện Mỹ Lộc trên cơ sở một phần diện tích, dân số của các xã: Mỹ Hưng, Mỹ Thịnh, Mỹ Thành theo Nghị định số 137/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Từ thời điểm này đến nay, huyện Mỹ Lộc có 11 ĐVHC cấp xã (01 thị trấn; 10 xã).

2. Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên

2.1. Vị trí địa lý

Huyện Mỹ Lộc nằm ở phía Bắc và phía Tây của thành phố Nam Định, được bao bọc bởi sông Hồng ở phía Đông và sông Châu Giang ở phía Bắc. Trung tâm huyện lỵ nằm trên QL 21 cách thành phố Nam Định 8 km và Phủ Lý 23 km.

- Phía Bắc giáp các huyện: Bình Lục và Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Phía Đông giáp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Phía Nam và phía Tây giáp thành phố Nam Định và huyện Vụ Bản.

Mỹ Lộc có vị thế thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng giao lưu với các khu vực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng.

2.2. Đặc điểm tự nhiên

a) Địa hình, địa mạo

Huyện Mỹ Lộc được bao bọc bởi tuyến đê sông Hồng và sông Châu Giang, các tuyến đê này phân chia lãnh thổ huyện thành hai dạng địa hình chính: (1) Khu vực ngoài đê có địa hình cao hơn, chiếm khoảng 12,5% diện tích đất canh tác, đất đai

màu mỡ do được phù sa sông Hồng bồi đắp hàng năm; (2) Khu vực trong đê có địa hình phần lớn thấp, trũng, thường bị úng ngập nên đất bị clay hóa mạnh với độ sâu trên 0,5 m.

Xét về địa mạo, Mỹ Lộc có 03 dạng địa hình chính: (1) Địa hình đồng bằng tích tụ nguồn gốc sông có tuổi Holoxen muộn dọc 2 sông; (2) Địa hình đồng bằng tích tụ nguồn gốc đầm lầy sông có tuổi Holoxen muộn ở trung tâm huyện; (3) Địa hình đồng bằng tích tụ nguồn gốc đầm lầy ven biển có tuổi Holoxen muộn ở phía Tây Nam huyện.

b) Khí hậu, thời tiết

Khí hậu Mỹ Lộc mang đầy đủ những đặc điểm khí hậu của vùng đồng bằng sông Hồng: nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều, có 4 mùa rõ rệt.

- Nhiệt độ trung bình năm là từ 23 - 24⁰C. Mùa đông, nhiệt độ trung bình 18,9⁰C, tháng lạnh nhất là tháng 1 và tháng 2. Mùa hè, nhiệt độ trung bình là 27⁰C, tháng 7 là tháng nóng nhất. Độ ẩm không khí tương đối cao, trung bình 80 - 85%.

- Lượng mưa hàng năm trung bình 1.700 - 1.800 mm chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm khoảng 75% lượng mưa cả năm; mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau chiếm khoảng 25% lượng mưa cả năm.

- Hàng năm trung bình có 250 ngày nắng, tổng số giờ nắng từ 1.650 - 1.700 giờ. Vụ Hè - Thu có số giờ nắng chiếm 70% số giờ nắng cả năm.

- Gió có hướng thay đổi theo mùa. Mùa đông gió hướng đông bắc thịnh hành, tần suất 60 - 70%, tốc độ gió trung bình 2,0 - 2,3 m/s. Mùa hè gió thịnh hành có hướng đông nam, tần suất 50 - 70%, tốc độ trung bình 1,9 - 2,0 m/s. Đầu mùa hè có xuất hiện gió tây khô nóng.

- Bão: hàng năm chịu ảnh hưởng nhiều của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân 2 - 4 trận/năm.

c) Thủy văn

Trên địa bàn huyện có ba sông chính chảy bao quanh huyện là sông Hồng, sông Đào và sông Châu Giang. Sông Hồng đoạn chảy dọc ranh giới phía Đông huyện dài 7,1 km cung cấp nguồn nước tưới chủ yếu cho cả huyện qua trạm bơm Hữu Bị và trạm bơm Quán Chuột. Sông Châu Giang nằm phía Bắc huyện dài 8 km, chủ yếu nhận nguồn nước tưới nội đồng từ sông Hồng qua trạm bơm Hữu Bị.

Chế độ dòng chảy của sông Hồng qua huyện Mỹ Lộc mùa nước cạn từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa nước lớn từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm 75% lượng nước trong năm. Lũ sông Hồng thường là lũ kép, mùa lũ nước sông dâng lên nhanh song có hàm lượng phù sa cao.

3. Vai trò, chức năng

Mỹ Lộc nằm ở vị trí cửa ngõ phía Tây của tỉnh, khu vực cửa ngõ phía Bắc thành phố Nam Định và cách thành phố Phủ Lý 23 km. Với vị trí này, huyện có nhiều lợi

thể về cung cấp các sản phẩm dịch vụ tạo tiền đề cho dịch vụ phát triển.

Trên địa bàn huyện có đầy đủ các loại hình giao thông: đường thủy, đường bộ, đường sắt. Nhiều trục giao thông quan trọng của Tỉnh chạy qua địa bàn huyện (QL 21B, QL 21, QL 10, QL 38B, ...), tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua 2 nhà ga Cầu Hố và Đặng Xá. Mạng lưới giao thông đã tạo cho Mỹ Lộc những thuận lợi trong mối liên hệ với hành lang kinh tế - kỹ thuật ven QL 21B từ Thủ đô Hà Nội đến các trung tâm phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng.

Với tiềm năng về đất đai, thương mại, dịch vụ và công nghiệp, huyện đã phát huy hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng; phát triển vùng huyện thành vùng vành đai phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp khu vực cửa ngõ phía Bắc thành phố Nam Định, giữ vai trò cầu nối liên kết tỉnh với khu vực Thủ đô.

4. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện Mỹ Lộc là: 7.448,87 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 4.991,22 ha, chiếm tỷ lệ 67,01%.
- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 2.453,89 ha, chiếm tỷ lệ 32,94%.
- Diện tích đất chưa sử dụng là: 3,75 ha, chiếm tỷ lệ 0,05%.

5. Dân số và lao động

a) Dân số

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, dân số của toàn huyện Mỹ Lộc là 84.045 người (đã bao gồm dân số quy đổi).

Cơ cấu dân số theo độ tuổi: dưới tuổi lao động: 23,4%; trong tuổi lao động: 60,1%; trên tuổi lao động: 16,5%. Dân số thành thị chiếm 7%; dân số nông thôn chiếm 93%. Theo giới tính: nam chiếm 49,1%; nữ chiếm 50,9%.

b) Lao động

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế của huyện Mỹ Lộc là 45.783 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là: 25.892 người, chiếm 57%;
- Lao động phi nông nghiệp là: 19.891 người, chiếm 43%.

6. Tình hình phát triển kinh tế

Năm 2022, Mỹ Lộc đạt quy mô nền kinh tế là 7.377 tỷ đồng, mức tăng trưởng giá trị sản xuất (theo so sánh năm 2010) là 11,35%. Mức thu nhập bình quân của người dân là 4,67 triệu đồng/tháng.

Cơ cấu nền kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ, tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp và giảm tương đối các ngành nông nghiệp. Cơ cấu kinh

tế năm 2022 như sau: nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 18,2%; công nghiệp và xây dựng chiếm 65,4%; dịch vụ chiếm 16,4%.

a) Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã được duy trì và phát triển nhanh, đóng góp đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung, chú trọng phát triển công nghiệp. Những năm gần đây huyện đã quan tâm đầu tư nguồn lực cho kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông, điện phục vụ sản xuất. Trên địa bàn huyện có KCN Mỹ Trung đã hình thành và đi vào sản xuất. KCN Mỹ Thuận, KCN Mỹ Thịnh đã có chủ trương đầu tư.

Mỹ Lộc có nhiều nghề truyền thống đã và đang phát triển như: dệt may, sản xuất dép nhựa các loại, sản xuất đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, ... Phát triển Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được xác định là khâu đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ ngày đầu tái lập.

Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - xây dựng năm 2022 (theo giá 2010) đạt 3.267,5 tỷ đồng.

b) Về thương mại - dịch vụ, du lịch

Các ngành thương mại - dịch vụ trong những năm gần đây có bước phát triển khá. Giá trị sản xuất ngành Dịch vụ năm 2022 (theo giá 2010) đạt 774,6 tỷ đồng. Năm 2022, toàn huyện có 75 doanh nghiệp và gần 3.000 cơ sở hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ ở các thị trấn và các xã đã góp phần đáng kể trong việc giao lưu trao đổi hàng hóa trên địa bàn huyện.

Du lịch phát triển với quy mô ngày càng lớn, đa dạng về hình thức hoạt động, đã huy động xã hội hóa đầu tư các khu du lịch. Đến nay, huyện đã đầu tư và khai thác lễ hội trong quần thể di tích đền Bảo Lộc.

c) Về nông nghiệp

Ngành trồng trọt phát triển khá thuận lợi, diện tích lúa năm 2022 đạt 5.964 ha, năng suất cả năm đạt 55,34 tạ/ha, sản lượng đạt hơn 33.000 tấn. Chăn nuôi, theo thống kê, về số gia súc trên địa bàn năm 2022 đạt trên 31 nghìn con, gia cầm trên 389 nghìn con.

Các cấp, ngành xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt các giải pháp tổ chức sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Xây dựng và triển khai kế hoạch về cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Hình thành các mô hình chuỗi liên kết đạt hiệu quả tích cực. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2022 đạt 822,2 tỷ đồng (theo giá 2010).

d) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 219,46 tỷ đồng; chi ngân sách trên địa bàn đạt 322,4 tỷ đồng.

7. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội

a) Về lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao

Triển khai và thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Năm 2022, 100% thôn, xóm, tổ dân phố được công nhận khu dân cư văn hóa và có hương ước được phê duyệt; 86% các cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, 89% số gia đình đạt chuẩn văn hóa.

Công tác thông tin, truyền thông luôn được quan tâm, thông tin đầy đủ, kịp thời, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng. Các chương trình phát thanh, truyền hình không ngừng nâng cao về chất lượng và thời lượng phát sóng, mở thêm các chuyên mục, đưa nhiều tin bài, phóng sự. Tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện, các hoạt động chào mừng kỷ niệm các sự kiện lớn trong năm.

Đại hội thể dục thể thao huyện được duy trì thường kỳ, các phong thể dục - thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, đa dạng về hình thức.

b) Về giáo dục và đào tạo

Trong nhiều năm liền, ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Mỹ Lộc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Kết quả đỗ THPT đạt ở mức cao; các cấp học, tham gia các hội thi đạt nhiều kết quả cao. Năm học 2021-2022, Giáo dục mầm non được đảm bảo an toàn tuyệt đối về mọi mặt; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm; 11/11 trường đều đạt loại tốt. Chất lượng giáo dục tiểu học được duy trì ổn định bền vững và có bước phát triển vững chắc. Nhiều hoạt động giáo dục được triển khai thu hút được đông đảo học sinh tham gia như cuộc thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh: đạt 1 giải nhì, 1 giải Khuyến khích; Cuộc thi viết chữ đẹp, đẹp cấp tỉnh: đạt 2 giải nhất, 5 giải nhì, 1 giải 3. Ở cấp giáo dục THCS: thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh có 41/81 học sinh tham gia đạt giải, trong đó có 01 giải nhất, 09 giải nhì, 13 giải ba và 18 giải Khuyến khích; Cuộc thi ATGT cho nụ cười ngày mai đạt giải nhất toàn tỉnh; 100% học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS. Có 985 em thi đỗ vào lớp 10 THPT, trong đó có 28 học sinh thi đỗ vào trường THPT chuyên Lê Hồng Phong. Giáo dục thường xuyên, các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động ngày càng thiết thực, hiệu quả, nề nếp được củng cố đã tổ chức được 62 chuyên đề với 11.785 người tham gia.

Đến tháng 12/2022, toàn huyện có 2 trường THPT, 10 trường THCS, 11 trường Tiểu học, 11 trường Mầm non. Công tác xây dựng cơ sở vật chất theo tiêu chí trường chuẩn Quốc gia được chính quyền quan tâm, gắn với chương trình xây dựng NTM.

c) Về lĩnh vực y tế

Hệ thống y tế từ huyện tới cơ sở được hoàn thiện và phát triển, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Năm 2022, toàn huyện có 12 cơ sở khám chữa bệnh (01 bệnh viện, 11 trạm y tế) với 260 giường bệnh, 33 bác sĩ. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo. Tổng số lượt khám chữa bệnh năm 2022 là

86.257 lượt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng <10%. Triển khai thực hiện tốt công tác thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chi trả lương hưu, trợ cấp xã hội. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt trên 95%.

8. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Nhà ở

Bên cạnh các khu dân cư đã ổn định lâu đời, Mỹ Lộc cũng có khu đô thị mới đã được triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng. Một số khu dân cư ở tập trung mật độ cao, tạo thành các điểm dân cư theo mô hình đô thị hóa khá rõ rệt như Mỹ Tân, Mỹ Trung, Mỹ Thắng ... Khu dân cư nông thôn ở theo các thôn, làng dạng quần cư theo dòng họ lâu đời. Huyện có tỉ lệ nhà kiên cố đạt 95,1%, nhà bán kiên cố đạt 4,7%.

b) Trung tâm thương mại - chợ

Trên địa bàn huyện có 07 chợ đang hoạt động, tất cả đều là hạng III. Tại các xã đều có các chợ dân sinh phục vụ nhu cầu thiết yếu của dân cư hàng ngày.

c) Giao thông

Mỹ Lộc có 4 tuyến quốc lộ chạy qua (QL 21, QL 21B, QL 10, QL 38B); đường tỉnh 486B quy mô đạt cấp IV đồng bằng. Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua với 02 ga (Cầu Hố và Đặng Xá). Mạng lưới giao thông đối ngoại đi qua địa bàn huyện được nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh, có sự kết nối đồng bộ với thành phố Nam Định.

Huyện có gần 50 km đường huyện lộ với 10 tuyến đường, quy mô chủ yếu cấp IV đồng bằng. Đường trục xã, liên xã với khoảng 68 km, đã cứng hóa 100%.

d) Cấp điện, chiếu sáng

Nguồn cấp điện cho khu vực huyện Mỹ Lộc hiện nay được lấy từ trạm 110kV Mỹ Lộc; được hỗ trợ cấp điện từ trạm 110kV Nam Định và trạm 110kV Trình Xuyên. Việc cấp điện đã đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn huyện, các xã, thị trấn đều có lưới điện 35 kV hoặc 22 kV. Lưới chiếu sáng đèn đường đã được xây dựng trong khu vực nội thị và tại một số tuyến đường chính.

e) Cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước hiện tại là hệ thống thoát nước chung cho cả nước thải và nước mưa. Hệ thống cống thoát nước chủ yếu là mương nắp đan, dọc các tuyến trục chính đô thị.

Nước thải y tế của bệnh viện tuyến huyện đã được xử lý đạt quy chuẩn môi trường. KCN Mỹ Trung có trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung.

g) Viễn thông

Lĩnh vực viễn thông của huyện có bước phát triển mạnh mẽ, cơ sở hạ tầng được các doanh nghiệp viễn thông đầu tư chất lượng phục vụ ngày càng nâng cao. Dịch vụ internet có viễn thông Nam Định và viễn thông Quân đội cung cấp.

h) Vệ sinh môi trường, nhà tang lễ

Tại các xã, thị trấn Mỹ Lộc đều có các tổ chức thu gom chất thải rắn và đưa về các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, tỷ lệ thu gom đạt 50 - 60%. Trên địa bàn huyện có công trình Đai hóa thân Thanh Bình, phục vụ hỏa táng cho tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận.

9. Tình hình quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức diễn tập chiến đấu, tuyển quân, giao nhận quân đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Chuẩn bị tốt các nội dung đề tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội chính sách xã hội.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định. Các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh, tan toàn trước, trong và sau dịp các dịp lễ, tết, hội. Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

10. Hiện trạng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức tại huyện Mỹ Lộc và các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Huyện ủy

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (Huyện ủy) nhiệm kỳ 2020-2025 có 34 người.

- Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 người.

- Các cơ quan trực thuộc Huyện ủy gồm: Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị.

- Về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: 29 người.

b) Chính quyền (HĐND, UBND huyện)

- HĐND huyện Mỹ Lộc nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 29 đại biểu. Theo trình độ chuyên môn: có 12 người trình độ sau Đại học; 17 người trình độ Đại học. Trong đó, theo trình độ lý luận chính trị: có 21 người trình độ Cao cấp; 07 người trình độ Trung cấp; 01 người trình độ khác. Cơ cấu tổ chức gồm: Thường trực HĐND 04 người, Ban Kinh tế - Xã hội 07 người (02 lãnh đạo Ban, 05 Ủy viên), Ban Pháp chế 07 người (02 lãnh đạo Ban, 05 Ủy viên).

- Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc có 12 phòng ban chuyên môn trực thuộc gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Thanh tra huyện và các phòng: Nội vụ, Tư pháp,

Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tổng số công chức hiện có: 63 người (số lượng biên chế được giao: 71 người). Trong đó, theo trình độ chính trị: 22 người có trình độ Cao cấp; 33 người có trình độ Trung cấp; 08 người trình độ khác; theo trình độ chuyên môn: 19 có trình độ Thạc sỹ; 43 người có trình độ Đại học; 01 người trình độ khác.

- Hệ thống tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên gồm: 01 đơn vị sự nghiệp Văn hóa thông tin (Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao); 02 đơn vị sự nghiệp khác (Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp; Hội Chữ thập đỏ) và 33 đơn vị sự nghiệp giáo dục với tổng số viên chức là 798 người. Trong đó, theo trình độ chuyên môn: 16 người có trình độ Thạc sỹ; 517 người có trình độ Đại học; 222 người có trình độ Cao đẳng; 43 người có trình độ Trung cấp; theo trình độ chính trị: 01 người có trình độ Cao cấp; 115 có trình độ Trung cấp; 54 người có trình độ Sơ cấp; 628 người trình độ khác.

- Tổng số đại biểu HĐND cấp xã là 270 người; tổng số cán bộ, công chức tại các UBND xã: 200 người (109 cán bộ, 91 công chức); số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 98 người; số người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố là 264 người.

c) Ủy ban MTTQ và các đoàn thể

- Về tổ chức bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Huyện Đoàn Mỹ Lộc, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

- Số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiện có là 15 người.

d) Các cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện)

- Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc có 08 người, trong đó: công chức là 06 người, hợp đồng lao động là 02 người. Cụ thể về tổ chức: 01 Chánh án (kiêm thẩm phán); 01 Phó Chánh án (kiêm thẩm phán); 01 Thẩm phán; 01 Thư ký (kiêm Chánh Văn phòng); 01 Thư ký (kiêm thẩm tra viên); 01 Kế toán; 02 hợp đồng lao động.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc có 09 công chức, bao gồm: 01 Viện trưởng, 02 Phó Viện trưởng, 06 công chức và 03 hợp đồng lao động (số lượng biên chế được giao 11 biên chế, 03 hợp đồng lao động).

e) Các cơ quan, đơn vị của ngành dọc đóng trên địa bàn

- Bảo hiểm xã hội huyện Mỹ Lộc biên chế 15 người, trong đó viên chức 12 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 09 nhân viên nghiệp vụ); lao động hợp đồng 03 người.

- Chi cục Thuế huyện Mỹ Lộc đã hợp nhất với Chi cục Thuế thành phố Nam Định thành Chi cục Thuế khu vực thành phố Nam Định - Mỹ Lộc. Hiện nay trụ sở

Chi cục Thuế huyện Mỹ Lộc là Bộ phận Một cửa Mỹ Lộc gồm có 01 Phó Chi cục trưởng và 08 cán bộ công chức, người lao động.

- Công an huyện Mỹ Lộc có cơ cấu tổ chức gồm 01 Trưởng Công an huyện, 03 Phó Trưởng Công an huyện và 07 Đội nghiệp vụ. Tổng số cán bộ chiến sỹ là 57 người.

- Ban CHQS huyện được tổ chức gồm Chỉ huy Ban và 03 Ban: Ban Tham mưu; Ban Chính trị; Ban Hậu cần - Kỹ thuật. Quân số thường trực 37 người. Trong đó: Chỉ huy Ban 05 người; Ban Tham mưu: 15 người; Ban Chính trị: 05 người và Ban Hậu cần - Kỹ thuật: 12 người.

- Kho bạc Nhà nước huyện Mỹ Lộc đã sáp nhập vào Kho bạc Nhà nước tỉnh từ tháng 3/2021.

- Chi cục Thống kê khu vực Vụ Bản - Mỹ Lộc gồm 07 người, trong đó có 01 Chi Cục trưởng; 02 Phó Chi cục trưởng; 04 công chức, người lao động.

- Đội Quản lý thị trường số 1 trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định phụ trách và quản lý địa bàn thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc.

III. HIỆN TRẠNG CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LIÊN QUAN ĐẾN THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC

1. Xã Nam Phong, thành phố Nam Định

1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

1.2. Diện tích tự nhiên: 6,58 km²

1.3. Quy mô dân số: 9.160 người.

1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 19 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; phường Lộc Hạ, phường Cửa Nam và xã Nam Vân thành phố Nam Định; xã Mỹ Tân, huyện Mỹ Lộc; xã Điền Xá và xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực.

2. Xã Nam Vân, thành phố Nam Định

2.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

2.2. Diện tích tự nhiên: 5,62 km²

2.3. Quy mô dân số: 7.637 người.

2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 02 người; chiếm tỷ lệ 0,03%.

2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Cửa Nam, phường Trần Quang Khải và xã Nam Phong thành phố Nam Định; xã Nam Toàn, Hồng Quang, Nghĩa An và xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực.

3. Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc

3.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

3.2. Diện tích tự nhiên: 4,72 km²

3.3. Quy mô dân số: 5.886 người.

3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 16 người, chiếm tỷ lệ 0,27%.

3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Mỹ Hưng, xã Mỹ Thành, xã Mỹ Tiến, xã Mỹ Thịnh.

4. Xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc

4.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

4.2. Diện tích tự nhiên: 5,25 km²

4.3. Quy mô dân số: 8.071 người.

4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Mỹ Thành, xã Mỹ Tiến, xã Mỹ Thắng, thị trấn Mỹ Lộc.

5. Xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc

5.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

5.2. Diện tích tự nhiên: 5,31 km²

5.3. Quy mô dân số: 4.887 người.

5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 09 người, chiếm tỷ lệ 0,18%.

5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

5.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: xã Mỹ Tiến, xã Mỹ Thành, xã Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Lộc.

6. Xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc

6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

6.2. Diện tích tự nhiên: 5,79 km²

6.3. Quy mô dân số: 4.985 người.

6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 12 người, chiếm tỷ lệ 0,24%.

6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Mỹ Thịnh, xã Mỹ Hưng, thị trấn Mỹ Lộc.

7. Xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc

7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

7.2. Diện tích tự nhiên: 5,82 km².

7.3. Quy mô dân số: 6.037 người.

7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 20 người, chiếm tỷ lệ 0,33%.

7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: xã Mỹ Thịnh, xã Mỹ Hưng, xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Thắng, xã Mỹ Hà, thị trấn Mỹ Lộc.

8. Phường Hạ Long, thành phố Nam Định

8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

8.2. Diện tích tự nhiên: 0,59 km²

8.3. Quy mô dân số: 20.391 người.

8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 47 người; chiếm tỷ lệ 0,23%.

8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Lộc Hạ, phường Thống Nhất, phường Trần Tế Xương, phường Vị Xuyên.

9. Phường Thống Nhất, thành phố Nam Định

9.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

9.2. Diện tích tự nhiên: 0,68 km²

9.3. Quy mô dân số: 9.556 người.

9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Hạ Long, phường Lộc Hạ, phường Lộc Vượng, phường Quang Trung, phường Vị Hoàng.

10. Phường Quang Trung, thành phố Nam Định

10.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

10.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km²

10.3. Quy mô dân số: 11.268 người,

10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 21 người; chiếm tỷ lệ 0,19%.

10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Thống Nhất, phường Lộc Vượng, phường Vị Hoàng, phường Nguyễn Du, phường Bà Triệu.

11. Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định

11.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

11.2. Diện tích tự nhiên: 0,73 km²

11.3. Quy mô dân số: 13.064 người.

11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 08 người; chiếm tỷ lệ 0,06%.

11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Lộc Hạ, phường Hạ Long, phường Vị Xuyên.

12. Phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định

12.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

12.2. Diện tích tự nhiên: 0,52 km²

12.3. Quy mô dân số: 10.552 người.

12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 59 người; chiếm tỷ lệ 0,56%.

12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Trần Tế Xương, phường Hạ Long, phường Vị Hoàng.

13. Phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định

13.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

13.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km²

13.3. Quy mô dân số: 7.638 người.

13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 13 người; chiếm tỷ lệ 0,17%.

13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

13.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Vị Xuyên, phường Thống Nhất, phường Quang Trung, phường Nguyễn Du, phường Phan Đình Phùng.

14. Phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định

14.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

14.2. Diện tích tự nhiên: 0,39 km²

14.3. Quy mô dân số: 8.520 người.

14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 50 người; chiếm tỷ lệ 0,59%.

14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

14.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Vị Hoàng, phường Nguyễn Du, phường Trần Hưng Đạo.

15. Phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định

15.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

15.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km²

15.3. Quy mô dân số: 6.362 người.

15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 06 người; chiếm tỷ lệ 0,09%.

15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

15.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Vị Hoàng, phường Quang Trung, phường Bà Triệu, phường Trần Hưng Đạo, phường Phan Đình Phùng.

16. Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định

16.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

16.2. Diện tích tự nhiên: 0,36 km²

16.3. Quy mô dân số: 6.713 người.

16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 18 người; chiếm tỷ lệ 0,27%.

16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

16.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Phan Đình Phùng, phường Nguyễn Du, phường Bà Triệu, phường Ngô Quyền.

17. Phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định

17.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

17.2. Diện tích tự nhiên: 0,36 km²

17.3. Quy mô dân số: 5.477 người.

17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 10 người; chiếm tỷ lệ 0,18%.

17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Trần Hưng Đạo, phường Bà Triệu, phường Cửa Bắc, phường Trần Đăng Ninh, phường Năng Tĩnh.

18. Phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định

18.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

18.2. Diện tích tự nhiên: 0,79 km²

18.3. Quy mô dân số: 12.947 người.

18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: Không có.

18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

18.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Ngô Quyền, phường Trần Đăng Ninh, phường Văn Miếu, phường Trần Quang Khải.

19. Phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định

19.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

19.2. Diện tích tự nhiên: 0,91 km²

19.3. Quy mô dân số: 12.702 người.

19.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 10 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.

19.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

19.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Năng Tĩnh, phường Văn Miếu, xã Lộc An.

20. Phường Bà Triệu, thành phố Nam Định

20.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

20.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km²

20.3. Quy mô dân số: 7.399 người.

20.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 05 người; chiếm tỷ lệ 0,07%.

20.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

20.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Quang Trung, phường Nguyễn Du, phường Trần Hưng Đạo, phường Ngô Quyền, phường Lộc Vượng, phường Cửa Bắc.

21. Phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định

21.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

21.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km²

21.3. Quy mô dân số: 14.638 người.

21.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 04 người; chiếm tỷ lệ 0,03 %.

21.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

21.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Ngô Quyền, phường Bà Triệu, phường Lộc Vượng, phường Lộc Hòa, phường Trường Thi, phường Trần Đăng Ninh.

22. Phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định

22.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

22.2. Diện tích tự nhiên: 0,46 km²

22.3. Quy mô dân số: 9.286 người.

22.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 29 người; chiếm tỷ lệ 0,31%.

22.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

22.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Cửa Bắc, phường Trường Thi, phường Năng Tĩnh, phường Ngô Quyền.

23. Phường Trường Thi, thành phố Nam Định

23.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

23.2. Diện tích tự nhiên: 0,68 km²

23.3. Quy mô dân số: 17.768 người.

23.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 09 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.

23.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

23.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Trần Đăng Ninh, phường Cửa Bắc, phường Lộc Hòa, phường Mỹ Xá, phường Văn Miếu.

24. Phường Văn Miếu, thành phố Nam Định

24.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

24.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km²

24.3. Quy mô dân số: 11.967 người.

24.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 26 người; chiếm tỷ lệ 0,22%.

24.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

24.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Trường Thi, phường Mỹ Xá, xã Lộc An, phường Trần Quang Khải, phường Năng Tĩnh.

25. Xã Lộc An, thành phố Nam Định

25.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: là ĐVHC nông thôn thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

25.2. Diện tích tự nhiên: 3,33 km²

25.3. Quy mô dân số: 7.674 người.

25.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 09 người; chiếm tỷ lệ 0,12%.

25.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

25.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Văn Miếu, phường Mỹ Xá, phường Trần Quang Khải.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG

THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

I. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

1. Phương án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 74,49 km², đạt 23,6% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 84.045 người, đạt 70% so với tiêu chuẩn) vào thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 46,41 km², đạt 30,9% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 280.136 người, đạt 186,8% so với tiêu chuẩn).

2. Phương án thành lập 03 phường thuộc thành phố Nam Định

2.1. Thành lập phường Hưng Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 5,25 km², đạt 25% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.071 người, đạt 100,9% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 4,72 km², đạt 33,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.886 người, đạt 73,6 % so với tiêu chuẩn).

2.2. Thành lập phường Nam Phong trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nam Phong, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 6,58 km², đạt 31,3% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.160 người, đạt 114,5% so với tiêu chuẩn).

2.3. Thành lập phường Nam Vân trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nam Vân, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 5,62 km², đạt 26,8% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.637 người, đạt 95,5 % so với tiêu chuẩn).

3. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định

3.1. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 5,79 km², đạt 27,57% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.985 người, đạt 62,31% so với tiêu chuẩn) với xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 5,31 km², đạt 25,29% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.887 người, đạt 61,09% so với tiêu chuẩn) và xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 5,82 km², đạt 27,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.037 người, đạt 75,46% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: xã Mỹ Lộc.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 xã: Mỹ Tiên, Mỹ Thịnh, Mỹ Thành có vị trí liền kề nhau, phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông, có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp ĐVHC khác trong giai đoạn 2026-2030.

3.2. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc An, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 3,33 km², đạt 15,86% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.674 người, đạt 95,93% so với tiêu chuẩn) và phường Văn Miếu, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,43 km², đạt 7,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.967 người, đạt 170,96% so với tiêu chuẩn) và phường Trường Thi, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,68 km², đạt 12,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.768 người, đạt 253,83% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Trường Thi.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- Xã Lộc An, phường Văn Miếu và phường Trường Thi phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông; có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính khác trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Trước đó năm 2018 xã Lộc An đã được đánh giá cơ bản đạt “trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với quận, phường” cùng với Đề án thành lập phường Lộc Hòa, phường Mỹ Xá. Tuy nhiên, do xã Lộc An không đủ tiêu chuẩn về diện tích của phường nên chưa đủ điều kiện để thành lập phường.

3.3. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Hạ Long, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,59 km², đạt 10,73% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.391 người, đạt 291,30% so với tiêu chuẩn) và phường Thống Nhất, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,68 km², đạt 12,36% so với tiêu

chuẩn; quy mô dân số là 9.556 người, đạt 136,51% so với tiêu chuẩn) và phường Quang Trung, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,30 km², đạt 5,45% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.268 người, đạt 160,97% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Quang Trung.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 phường: Hạ Long, Thống Nhất, Quang Trung có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển, phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông, có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính khác trong giai đoạn 2026 - 2030.

3.4. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,73 km², đạt 13,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.064 người, đạt 186,63% so với tiêu chuẩn) và phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,64 km², đạt 11,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.638 người, đạt 109,11% so với tiêu chuẩn) và phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,52 km², đạt 9,45% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.552 người, đạt 150,74% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Vị Xuyên.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 phường: Trần Tế Xương, Vị Hoàng, Vị Xuyên phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông; có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính khác trong giai đoạn 2026 - 2030.

3.5. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,39 km², đạt 7,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.520 người, đạt 121,71% so với tiêu chuẩn) và phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,21 km², đạt 3,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.362 người, đạt 90,89% so với tiêu chuẩn) và phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,36 km², đạt 6,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.713 người, đạt 95,90% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Trần Hưng Đạo.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 phường: Phan Đình Phùng, Nguyễn Du, Trần Hưng Đạo phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông; có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn 2026 - 2030.

3.6. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,36 km², đạt 6,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.477 người, đạt 78,24% so với tiêu chuẩn) với phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,91 km², đạt 16,55% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.702 người, đạt 181,46% so với tiêu chuẩn) và phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,79 km², đạt 14,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.947 người, đạt 184,96% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Năng Tĩnh.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 phường: Ngô Quyền, Trần Quang Khải, Năng Tĩnh phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông; có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính khác trong giai đoạn 2026 - 2030.

3.7. Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Bà Triệu, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,27 km², đạt 4,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.399 người, đạt 105,70% so với tiêu chuẩn) với phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,46 km², đạt 8,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.286 người, đạt 132,66% so với tiêu chuẩn) và phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định (có diện tích tự nhiên là 0,64 km², đạt 11,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.638 người, đạt 209,11% so với tiêu chuẩn) thành ĐVHC đô thị cấp xã mới.

Dự kiến tên gọi ĐVHC sau sắp xếp: phường Cửa Bắc.

Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *“phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên”*.

- 03 phường: Bà Triệu, Trần Đăng Ninh, Cửa Bắc phù hợp về vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông; có sự tương đồng về quá trình hình thành, phát triển và các điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo sự tiếp nối phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính khác trong giai đoạn 2026 - 2030.

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Nguyên tắc khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã

Việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định và thành lập 03 phường thuộc thành phố Nam Định đã bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản sửa đổi, đó là:

- Phù hợp với Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Phù hợp với Đề án quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Nam Định trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, thành phố Nam Định được xác định trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng với 6 chức năng trung tâm vùng: công nghiệp; giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; y tế; văn hoá, thể thao và du lịch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 109/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006.

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch chung thành phố Nam Định được phê duyệt tại Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phù hợp với kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nam Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định; Chương trình phát triển đô thị thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh Nam Định.

- Bảo đảm thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia, của tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của từng địa phương.

- Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương; tạo sự thuận tiện cho Nhân dân.

2. Tiêu chuẩn của thành phố Nam Định sau khi mở rộng, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã trực thuộc

Sáp nhập toàn bộ diện tích, dân số của huyện Mỹ Lộc để mở rộng thành phố Nam Định.

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đánh giá các tiêu chuẩn của thành phố Nam Định mở rộng, cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số thành phố Nam Định là 364.181 người

- Quy định quy mô dân số của thành phố thuộc tỉnh từ 150.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

2.2. Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên thành phố Nam Định là 120,9 km² (12.090,28 ha).

- Quy định diện tích tự nhiên của thành phố thuộc tỉnh từ 150 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt 80,6% diện tích tự nhiên.

Áp dụng điểm b², khoản 1, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15: Thành phố Nam Định đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định.

2.3. Số đơn vị hành chính trực thuộc

a) Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có từ 10 đơn vị trở lên

Sau khi mở rộng và thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định (sau mở rộng) có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

Đánh giá: Đạt.

b) Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65% trở lên

Sau khi mở rộng và thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định (sau mở rộng) có 14 phường trên tổng số 21 ĐVHC cấp xã, đạt tỷ lệ 66,67%.

Đánh giá: Đạt.

2.4. Thành phố Nam Định mở rộng đã được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại II.

Quy định: được phân loại đạt tiêu chí của đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III.

Đánh giá: Đạt

2.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Đánh giá cụ thể với thành phố Nam Định sau khi mở rộng như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Âm	Chưa đạt

² điểm b, khoản 1, Điều 31 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 quy định “Trường hợp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của từ 02 đơn vị hành chính trở lên thành 01 đơn vị hành chính đô thị cùng cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thì đơn vị hành chính đô thị sau khi nhập, thành lập phải đạt tiêu chuẩn về loại đô thị (đối với thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, thị trấn) hoặc tiêu chuẩn về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị (đối với quận, phường) quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng; không áp dụng các tiêu chuẩn khác quy định tại Mục 2 Chương I của Nghị quyết này”.

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Thực trạng	Đánh giá
			Thu: 1.435 tỷ đồng Chi: 1.624 tỷ đồng	
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	1,05 (Cả nước: 6,7 triệu đồng)	6,28 triệu đồng	Chưa đạt
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất	Đạt bình quân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh Nam Định: 8,0%)	9,89%	Đạt
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	Đạt bình quân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tỉnh Nam Định trung bình 3 năm: 1,3 %)	1,54%	Chưa đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	80%	97,9%	Đạt
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận, và phường	80%	80,8%	Đạt

Thành phố Nam Định mở rộng đạt 3/6 tiêu chí về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15.

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15: Thành phố Nam Định đạt tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì thành phố Nam Định đã đạt 5/5 tiêu chuẩn để mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố.

3. Tiêu chuẩn các ĐVHC cấp xã sau thành lập và sắp xếp

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đánh giá các phường được thành lập mới của thành phố Nam Định, cụ thể như sau:

3.1. Phường Hưng Lộc

Nhập diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 5,25 km² đạt 25% so với tiêu chuẩn; Quy mô dân số là 8.071 người, đạt 100,89% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc (có diện tích tự nhiên là 4,72 km² đạt 33,71% so với tiêu chuẩn; Quy mô dân số là 5.886 người, đạt 73,58% so với tiêu chuẩn) thành phường Hưng Lộc.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 13.957 người

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 9,97 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Đánh giá cụ thể với phường Hưng Lộc như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư Thu: 22,7 tỷ đồng Chi: 16,5 tỷ đồng	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân thành phố Nam Định (1,54)	1,2%	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	80	42%	Chưa Đạt

Đánh giá: Đạt 2/3 tiêu chuẩn.

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15: Phường Hưng Lộc đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Đánh giá cụ thể đối với khu vực dự kiến thành lập phường Hưng Lộc như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Khu vực thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng	
				Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	> 1	1,00	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	> 2	1,00	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,8	3,52	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,0	1,94	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	> 750	1.103,3	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	> 8	30,92	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	> 95	100,00	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	> 2	2,5	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Khu vực thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hung	
				Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	> 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	93,26	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	> 3,5	6,56	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	> 80	100,00	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Khu vực dự kiến thành lập phường Hưng Lộc (thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng), đạt 12/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì khu vực dự kiến thành lập phường Hưng Lộc (thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng) đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc Thành phố Nam Định.

3.2. Phường Nam Phong

Thành lập phường Nam Phong trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Nam Phong, thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 9.160 người

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 6,58 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Đánh giá cụ thể với phường Nam Phong như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Đủ: Thu: 8,9 tỷ đồng Chi: 8,9 tỷ đồng	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân thành phố Nam Định (Năm 2020: 0,78%; Năm 2021: 0,6%; năm 2022: 0,46%)	Năm 2020: 0,66% Năm 2021: 0,56% Năm 2022: 0,33%	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	80%	87,00%	Đạt

Đánh giá: Đạt 2/3 chỉ tiêu.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Đánh giá cụ thể đối với khu vực dự kiến thành lập phường Nam Phong như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Xã Nam Phong	
				Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	> 1	1,00	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	> 2	1,00	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Xã Nam Phong	
				Hiện trạng	Đánh giá
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,8	1,68	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,0	1,94	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	> 750	815,7	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	> 8	18,75	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	> 95	100,00	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	> 2	4,23	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	> 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	90,97	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	> 3,5	4,65	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	> 80	100,00	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Xã Nam Phong, đạt 11/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì khu vực xã Nam Phong đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc Thành phố Nam Định.

3.3. Phường Nam Vân

Thành lập phường Nam Vân trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Nam Vân, thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 7.637 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 5,62 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Đánh giá cụ thể với phường Nam Vân như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	Thực trạng	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Đủ: Thu: 8,4 tỷ đồng Chi: 8.4 tỷ đồng	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân thành phố Nam Định Năm 2020: 0,78%; Năm 2021: 0,6%; Năm 2022: 0,46%	Năm 2020: 0,79% Năm 2021: 1,1% Năm 2022: 0,56%	Chưa đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	80	82,2%	Đạt

Đánh giá: 3/3 tiêu chuẩn chưa đạt.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Đánh giá cụ thể đối với khu vực dự kiến thành lập phường Nam Vân như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Xã Nam Vân	
				Hiện trạng	Đánh giá
1	Trạm y tế	Công trình	> 1	1,00	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	> 2	1,00	Chưa đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,8	2,24	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	> 1,0	1,83	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	> 750	1.038,1	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	> 8	14,34	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	> 95	100,00	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	> 2	2,14	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị (Loại II)	Xã Nam Vân	
				Hiện trạng	Đánh giá
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	> 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	90,07	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	> 3,5	6,09	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	> 80	81,0	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Dự kiến phường Nam Vân, đạt 12/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì khu vực xã Nam Phong đã đạt 3/4 tiêu chuẩn để thành lập phường thuộc Thành phố Nam Định.

3.4. Phường Trường Thi

Thành lập phường Trường Thi trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Lộc An, phường Văn Miếu và phường Trường Thi thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 37.409 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 4,44 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

c) Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 2/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường, xã: Lộc

An, Văn Miếu, Trường Thi năm 2022 đạt 19,59 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 19,59 tỷ đồng. Đánh giá **Đủ** cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Phường Trường Thi (mới) là 1,43%. Đánh giá **Chưa đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%),.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Phường Trường Thi (mới) đạt 97,86%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%).

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 12/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Trường Thi

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Trường Thi (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá
I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 12 /13 tiêu chuẩn
1	Trạm y tế	Công trình	≥ 1	3	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	Đạt

4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	1,07	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,01	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.184,4	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	9,19	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	99,42	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,98	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn	96,66	Đạt

	hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		mới nâng cao trở lên		
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	5,75	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	98,58	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Trường Thi, đạt 12/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

3.5. Phường Quang Trung

Thành lập phường Quang Trung trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số phường Hạ Long, phường Thống Nhất và phường Quang Trung thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 41.215 người.
- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 1,57 km²
- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

b) Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 3/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường: Hạ Long, Thống Nhất, Quang Trung năm 2022 đạt 15,47 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 15,47 tỷ đồng. Đánh giá Đủ cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Quang Trung (mới) là 0,88%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%).

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Quang Trung (mới) đạt 100%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%).

c) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 10/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Quang Trung

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Quang Trung (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá
I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 10 /13 tiêu chuẩn
1	Trạm y tế	Công trình	≥ 1	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	22,2	Chưa đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	0,88	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện	m ² /người	$\geq 1,0$	0,16	Chưa Đạt

	tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.408,6	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	12,1	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,02	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	7,5	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	96,87	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Quang Trung, đạt 10/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

3.6. Phường Vị Xuyên

Thành lập phường Vị Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số phường Trần Tế Xương, phường Vị Hoàng và phường Vị Xuyên thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 31.254 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 1,89 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

b) Tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 3/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường: Trần Tế Xương, Vị Xuyên, Vị Hoàng năm 2022 đạt 15,81 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 15,81 tỷ đồng. Đánh giá **Đủ** cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Phường Vị Xuyên (mới) là 1,09%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%).

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Phường Vị Xuyên (mới) đạt 100%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%).

c) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 10/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Vị Xuyên

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Vị Xuyên (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá

I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 10 /13 tiêu chuẩn
1	Trạm y tế	Công trình	≥ 1	0	Chưa Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	14,28	Chưa đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	$m^2/người$	$\geq 1,8$	0,34	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	$m^2/người$	$\geq 1,0$	3,08	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	$kwh/người/năm$	≥ 750	1.043,2	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông	$m^2/người$	≥ 8	9,9	Đạt

	cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người				
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,32	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	5,6	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	5	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,9	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Vị Xuyên, đạt 10/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

3.7. Phường Trần Hưng Đạo

Thành lập phường Trần Hưng Đạo trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số phường Phan Đình Phùng, phường Nguyễn Du và phường Trần Hưng Đạo thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 21.595 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 0,96 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

b) Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 2/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường: Phan Đình Phùng, Nguyễn Du, Trần Hưng Đạo năm 2022 đạt 14,66 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 14,66 tỷ đồng. Đánh giá **Đủ** cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Phường Trần Hưng Đạo (mới) là 1,72%. Đánh giá **Chưa đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%).

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Phường Trần Hưng Đạo (mới) đạt 100%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%).

c) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 11/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Trần Hưng Đạo

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Trần Hưng Đạo (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá
I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 11 /13 tiêu chuẩn

1	Trạm y tế	công trình	≥ 1	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	37,5	Chưa đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	0,68	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	2,02	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.274,8	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	8,02	Đạt

8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	95,61	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	3,41	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	7,8	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,83	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Trần Hưng Đạo, đạt 11/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt.

3.8. Phường Năng Tĩnh

Thành lập phường Năng Tĩnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số phường Ngô Quyền, phường Trần Quang Khải và phường Năng Tĩnh thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 31.126 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 2,06 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

c) Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 3/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường: Ngô Quyền, Năng Tĩnh, Trần Quang Khải năm 2022 đạt 14,39 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 14,39 tỷ đồng. Đánh giá **Đủ** cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Phường Năng Tĩnh (mới) là 1,08%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%).

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Phường Năng Tĩnh (mới) đạt 100%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%).

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 10/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Năng Tĩnh

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Năng Tĩnh (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá
I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 10 /13 tiêu chuẩn
1	Trạm y tế	Công trình	≥ 1	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	2	Đạt

3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	33,3	Chưa đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	0,78	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,79	Chưa Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	889,8	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	9,6	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị	m ² /người	≥ 2	2,7	Đạt

	ở) bình quân đầu người				
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	9,0	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	97,6	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Năng Tĩnh, đạt 10/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt .

3.9. Phường Cửa Bắc

Thành lập phường Cửa Bắc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số phường Bà Triệu, phường Trần Đăng Ninh và phường Cửa Bắc thành phố Nam Định.

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

- Dân số 31.323 người.

- Quy định quy mô dân số đối với phường thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

- Diện tích tự nhiên 1,37 km²

- Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường thuộc thành phố từ 5,5 km² trở lên.

Đánh giá: Không đạt.

c) Tiêu chuẩn Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 2/3 tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, cụ thể:

- Chỉ tiêu Cân đối thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách các phường: Bà Triệu, Cửa Bắc, Trần Đăng Ninh năm 2022 đạt 16,88 tỷ đồng; chi ngân sách năm 2022 đạt 16,88 tỷ đồng. Đánh giá **Đủ** cân đối thu chi ngân sách.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều trung bình 03 năm gần nhất: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm của Phường Cửa Bắc (mới) là 1,59%. Đánh giá **Chưa đạt** tiêu chuẩn bình quân của thành phố (bình quân của thành phố là 1,31%),.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của Phường Cửa Bắc (mới) đạt 100%. Đánh giá **Đạt** tiêu chuẩn (tối thiểu 80%),.

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 10/13 tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị quy định tại bảng 2A, Phụ lục 2 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, cụ thể:

Bảng. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị khu vực dự kiến thành lập phường Cửa Bắc

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Mức quy định của phường thuộc đô thị loại II	Phường Cửa Bắc (Mới)	
				Hiện trạng	Đánh giá
I	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				Đạt 10 /13 tiêu chuẩn
1	Trạm y tế	Công trình	≥ 1	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	≥ 2	> 2	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc	57,1	Chưa đạt

			đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	1,0	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	0,57	Chưa Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.223,5	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 8	15,6	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,09	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100,00	Đạt

11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	4,3	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95,21	Đạt

Tổng hợp đánh giá theo các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị áp dụng đối với khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị loại II. Phường Cửa Bắc, đạt 10/13 tiêu chuẩn.

Đánh giá: Đạt .

III. KẾT QUẢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỂ MỞ RỘNG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, HUYỆN MỸ LỘC

Tỉnh Nam Định không thay đổi về diện tích tự nhiên, dân số nhưng giảm 01 ĐVHC cấp huyện trực thuộc và 15 ĐVHC cấp xã. Cụ thể, tỉnh Nam Định còn 09 ĐVHC cấp huyện, gồm thành phố Nam Định và 08 huyện (Vụ Bản, Ý Yên, Nghĩa Hưng, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu) với 175 ĐVHC cấp xã (146 xã; 15 thị trấn; 14 phường).

1. Kết quả sau khi điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định

Sau sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của huyện Mỹ Lộc để mở rộng thì thành phố Nam Định có:

- Diện tích tự nhiên: 120,9 km² (đạt 80,6% so với tiêu chuẩn). Đủ tiêu chuẩn theo điểm b, khoản 1, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15).

- Quy mô dân số: 364.181 người (đạt 242,79% so với tiêu chuẩn)

- Số đơn vị hành chính trực thuộc:

- + Số ĐVHC cấp xã trực thuộc: 21 ĐVHC cấp xã (đạt 350% so với tiêu chuẩn), gồm: 14 phường (Vị Xuyên, Quang Trung, Cửa Bắc, Trường Thi, Trần Hưng Đạo, Năng Tĩnh, Lộc Hạ, Lộc Vượng, Lộc Hòa, Mỹ Xá, Cửa Nam, Nam Phong, Nam Vân, Hưng Lộc) và 7 xã (Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Trung, Mỹ Tân, Mỹ Phúc, Mỹ Thuận, Mỹ Lộc).

+ Tỷ lệ số phường trên tổng số ĐVHC cấp xã: 14/21 ĐVHC, đạt 66,67% (tiêu chuẩn là 65%).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp huyện Bình Lục và huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

+ Phía Đông giáp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

+ Phía Nam giáp huyện Nam Trực

+ Phía Tây giáp huyện Vụ Bản.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của thành phố Nam Định: Thành ủy Nam Định mở rộng sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của Thành ủy Nam Định (địa chỉ: Số 1 Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định); HĐND và UBND thành phố Nam Định mở rộng sử dụng trụ sở làm việc hiện nay của HĐND và UBND thành phố Nam Định (địa chỉ: Số 10 Đường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định).

2. Kết quả sau khi thành lập phường thuộc thành phố Nam Định

2.1. Phường Hưng Lộc

- Tên ĐVHC: Phường Hưng Lộc (dự kiến)

- Diện tích tự nhiên: 9,97 km² (đạt 181,27% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số: 13.957 người (đạt 199,39% so với tiêu chuẩn)

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc, phía Nam và phía Tây giáp xã Mỹ Lộc (mới) và xã Mỹ Thắng, thành phố Nam Định

+ Phía Đông giáp phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Lộc: Sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND thị trấn Mỹ Lộc hiện đang sử dụng.

2.2. Phường Nam Phong

- Tên ĐVHC: Phường Nam Phong

- Diện tích tự nhiên: 6,58 km² (đạt 119,64% so với tiêu chuẩn)

- Quy mô dân số: 9.160 người (đạt 130,86% so với tiêu chuẩn)

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp phường Lộc Hạ và xã Mỹ Tân, thành phố Nam Định

+ Phía Đông giáp xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

+ Phía Nam giáp xã Nam Điền (mới), huyện Nam Trực; phường Nam Vân (mới) và phường Cửa Nam, thành phố Nam Định.

+ Phía Tây giáp phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Vị Xuyên (mới), thành phố Nam Định.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Nam Phong: Tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND của xã Nam Phong hiện đang sử dụng.

2.3. Phường Nam Vân

- Tên ĐVHC: Phường Nam Vân
- Diện tích tự nhiên: 5,62 km² (đạt 102,18% so với tiêu chuẩn)
- Quy mô dân số: 7.637 người (đạt 109,1% so với tiêu chuẩn)
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp phường Cửa Nam và phường Nam Phong (mới), thành phố Nam Định

+ Phía Đông giáp xã Nam Điền (mới), huyện Nam Trực

+ Phía Nam giáp xã Hồng Quang, huyện Nam Trực.

+ Phía Tây giáp xã Nghĩa An, huyện Nam Trực và phường Năng Tĩnh (mới), thành phố Nam Định.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Nam Vân: Tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND của xã Nam Vân hiện đang sử dụng.

3. Kết quả sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định

3.1. Xã Mỹ Lộc

- Tên ĐVHC: Xã Mỹ Lộc
- Diện tích tự nhiên 16,92 km² (đạt 80,57% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 15.909 người (đạt 198,86% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 41 người, chiếm tỷ lệ 0,26%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Hưng Lộc (mới), xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Thắng, xã Mỹ Hà.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc tại xã Mỹ Thịnh.

3.2. Phường Trường Thi

- Tên ĐVHC: Phường Trường Thi
- Diện tích tự nhiên 4,44 km² (đạt 80,73% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 37.409 người (đạt 534,41% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 44 người, chiếm tỷ lệ 0,12%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: phường Mỹ Xá, phường Lộc Hòa, phường Cửa Bắc (mới), phường Năng Tĩnh (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Trường Thi cũ.

3.3. Phường Quang Trung

- Tên ĐVHC: Phường Quang Trung
- Diện tích tự nhiên 1,57 km² (đạt 28,55% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 41.215 người (đạt 588,79% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 68 người, chiếm tỷ lệ 0,16%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Lộc Hạ, phường Lộc Vượng, phường Vị Xuyên (mới), phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Cửa Bắc (mới)
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Thống Nhất cũ.

3.4. Phường Vị Xuyên

- Tên ĐVHC: Phường Vị Xuyên
- Diện tích tự nhiên 1,89 km² (đạt 34,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 31.254 người (đạt 446,49% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 80 người, chiếm tỷ lệ 0,26%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Lộc Hạ, phường Quang Trung (mới), phường Trần Hưng Đạo (mới).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Trần Tế Xương cũ.

3.5. Phường Trần Hưng Đạo

- Tên ĐVHC: Phường Trần Hưng Đạo
- Diện tích tự nhiên 0,96 km² (đạt 17,45% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 21.595 người (đạt 308,50% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 74 người, chiếm tỷ lệ 0,34%.
- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Vị Xuyên (mới), phường Quang Trung (mới), phường Cửa Bắc (mới), phường Năng Tĩnh (mới).
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Trần Hưng Đạo cũ.

3.6. Phường Năng Tĩnh

- Tên ĐVHC: Phường Năng Tĩnh
- Diện tích tự nhiên 2,06 km² (đạt 37,45% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 31.126 người (đạt 444,66% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 20 người, chiếm tỷ lệ 0,06%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Cửa Bắc (mới), phường Trường Thi (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Trần Quang Khải cũ.

3.7. Phường Cửa Bắc

- Tên ĐVHC: Phường Cửa Bắc

- Diện tích tự nhiên 1,37 km² (đạt 24,91% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 31.323 người (đạt 447,47% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 38 người, chiếm tỷ lệ 0,12%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: phường Trần Hưng Đạo (mới), phường Quang Trung (mới), phường Lộc Vượng, phường Lộc Hòa, phường Trường Thi (mới), phường Năng Tĩnh (mới).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã mới: Dự kiến sử dụng trụ sở làm việc của phường Trần Đăng Ninh cũ.

IV. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG, THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã trước khi mở rộng, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã (bao gồm cả huyện Mỹ Lộc): 36 đơn vị, gồm 22 phường, 01 thị trấn và 13 xã.

2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã sau khi mở rộng, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã: 21 đơn vị, gồm 14 phường và 7 xã.

3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã giảm do thành lập phường, sắp xếp: giảm 15 ĐVHC cấp xã.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG SAU KHI MỞ RỘNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, THÀNH LẬP 03 PHƯỜNG VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng

a) Tác động tích cực

Huyện Mỹ Lộc tiếp giáp với thành phố Nam Định, là cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Nam Định. Những năm gần đây, các xã trong Huyện có tốc độ đô thị hóa nhanh, do đó bộ máy chính quyền nông thôn không còn phù hợp, bộc lộ nhiều hạn chế khi chưa được tổ chức quản lý thống nhất và chuyên sâu theo mô hình của đô thị, vì vậy thực tiễn đòi hỏi phải quản lý bằng chính quyền đô thị. Các đơn vị hành chính cấp xã sau khi sáp nhập về thành phố Nam Định quản lý sẽ tăng cường một số chức danh phụ trách lĩnh vực quản lý đô thị; lực lượng công an, quân sự và cán bộ, công chức sẽ theo tiêu chuẩn cao hơn của thành phố, từ đó góp phần nâng cao trình độ của cán bộ, công chức và cả bộ máy hành chính cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước. Giúp công tác quản lý xã hội, quản lý an ninh, trật tự trên địa bàn ngày càng tốt hơn.

Chính quyền các đơn vị hành chính cấp xã sau khi chuyển về thành phố sẽ có điều kiện đáp ứng tốt những nhiệm vụ quan trọng như quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bộ máy hành chính Nhà nước ở cơ sở sẽ phù hợp với sự phát triển của khu vực, làm nền tảng cho công tác quản lý Nhà nước và là cơ sở để phát triển đô thị nhanh, bền vững, đảm bảo theo định hướng.

Việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, UBND thành phố sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công và giảm chi phí cho người dân.

Thành phố Nam Định được mở rộng như đề án thì ngoài bộ mặt nông thôn mới thay đổi, chất lượng cuộc sống của người dân cũng sẽ được nâng lên đáng kể, thu nhập bình quân sẽ tăng cao hơn so với trước.

b) Tác động tiêu cực:

Việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Nam Định có thể gây xáo trộn và ảnh hưởng đến quyền lợi của một bộ phận người dân ở các xã của huyện Mỹ Lộc. Một số diện tích và dân cư của các ĐVHC cấp xã được nhập về thành phố Nam Định sẽ ảnh hưởng đến một số tiêu chuẩn phân loại ĐVHC, ảnh hưởng đến ngân sách xây dựng hạ tầng, kinh tế - xã hội của địa phương đó. Địa danh hành chính bị thay đổi gây xáo trộn đời sống và tâm tư của người dân vì tư tưởng coi trọng văn hóa làng quê, họ tộc... Công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ mới cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi.

1.2. Đối với các phường mới thành lập

a) Tác động tích cực

Các phường mới thành lập sẽ chuyển sang mô hình chính quyền đô thị, ngoài các nhiệm vụ như chính quyền cấp xã hiện nay, sẽ đáp ứng tốt hơn những nhiệm vụ quan trọng khác như quản lý, thực hiện các quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, đất đai môi trường theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

b) Tác động tiêu cực:

Công tác quản lý Nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức ban đầu sẽ lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

1.3. Đối với sắp xếp ĐVHC cấp xã

a) Tác động tích cực

Thành phố Nam Định sau khi thực hiện việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã như đề án thì ngoài bộ mặt nông thôn mới thay đổi, chất lượng cuộc sống của người dân cũng sẽ được nâng lên đáng kể, thu nhập bình quân sẽ tăng cao hơn so với trước.

Đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp đã giải quyết được các bài toán về quy hoạch, lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như quy hoạch, lập kế hoạch phát triển vùng đều được thuận lợi hơn do nguồn lực được tập trung hơn, không bị phân tán nhỏ lẻ. Khi không gian phát triển của nhiều đơn vị hành chính cấp xã được mở rộng sắp xếp lại thành phố Nam Định sẽ có ít đầu mối hơn, mặt bằng quy mô dân số và diện tích của các đơn vị cấp xã đồng đều hơn, rất thuận tiện cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, quy hoạch, phân bổ nguồn lực cho cấp xã.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của chính quyền mới hình thành sau sáp nhập với quy mô dân số diện tích lớn hơn nhiều lần, đòi hỏi bộ máy lãnh đạo mới phải đầy mạnh và nhanh hơn việc học hỏi, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

b) Tác động tiêu cực

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp xã của thành phố Nam Định sẽ gây xáo trộn và ảnh hưởng đến quyền lợi của một bộ phận người dân và các địa phương. Sẽ có một số địa danh bị thay đổi, ít nhiều gây xáo trộn đời sống và tâm tư của người dân, đồng thời kéo theo thay đổi trong các thủ tục hành chính đặc biệt ở những địa phương sau khi sáp nhập không còn tên cũ. Công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ mới cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi.

Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý của cán bộ, công chức ở những đơn vị thuộc diện phải sắp xếp. Không thể tránh khỏi việc phát sinh những tâm tư nguyện vọng do thay đổi về vị trí việc làm, chức vụ và chế độ đối với những người còn chưa đến tuổi hưu mà vẫn mong muốn được tiếp

tục công tác. Điều đó ảnh hưởng đến tâm lý cán bộ, công chức trong giải quyết công việc lãnh đạo, chuyên môn. Nếu không làm tốt công tác tư tưởng, dễ phát sinh tâm lý chán nản, làm việc cầm chừng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất lao động, làm giảm hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính của nhân dân.

Sau sắp xếp, sáp nhập, ĐVHC cấp xã mới có địa giới hành chính thay đổi, người dân và doanh nghiệp phải thực hiện rất nhiều thủ tục hành chính để thay đổi phù hợp, đúng với sổ sách, giấy tờ hành chính như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thẻ căn cước công dân, giấy tờ tùy thân khác,...

Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực cũng đặt ra vấn đề khó khăn nhất định, nhất là quản lý đất đai do đơn vị hành chính mới có địa bàn rộng, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của một số người dân chưa tốt; quản lý nhân khẩu do số lượng dân cư nhiều hơn so với trước đây; công tác vệ sinh môi trường; công tác sản xuất nông nghiệp có tác động trong quá trình triển khai;... Bên cạnh đó việc tổ chức các Hội nghị lớn, đảm bảo tính tập trung của thành phần tham dự liên quan đến lấy ý kiến cử tri, đảng viên để triển khai các nhiệm vụ của cấp trên giao sẽ có khó khăn do thành phần tham dự lớn.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng

a) Tác động tích cực

Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, việc xây dựng và phát triển thành phố Nam Định được Đảng bộ và các cấp ban ngành Thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021-2030 mà trước mắt là 2021-2025. Mục tiêu tổng quát là: *“Xây dựng thành phố Nam Định phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, có bản sắc riêng; là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa thể thao, giáo dục, y tế; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân, ngang tầm với các thành phố loại I của cả nước, đến năm 2030, trở thành thành phố thông minh, hiện đại, đạt một số chức năng trung tâm vùng Nam đồng bằng Sông Hồng”*.

Việc mở rộng và phát triển thành phố Nam Định sẽ là bước đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, phát huy các tiềm năng, các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương, là động lực phát triển kinh tế của tỉnh Nam Định và của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng. Các nguồn vốn sẽ được huy động, tập trung đầu tư cho các hạng mục trong quy hoạch, ưu tiên cho các dự án về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Đối tượng thụ hưởng đầu tiên chính là người dân tại khu vực quy hoạch, môi trường đô thị hiện đại, văn minh, tiện ích sẽ góp phần thay đổi tích cực lối sống của người dân. Các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh sản xuất, dịch vụ xoay quanh và phục vụ các khu đô thị sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm, thu hút lượng lớn lao động tại địa phương, các vùng lân cận và lao động có trình độ từ các tỉnh khác, tăng nguồn thu nhập cho người dân. Cơ cấu nền kinh tế của thành phố sẽ chuyển biến ngày càng tích cực và rõ nét hơn, tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là các nhóm ngành công

nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Người dân được nâng cao đời sống cả vật chất và tinh thần.

b) Tác động tiêu cực

Một bộ phận nông dân trở thành thị dân nhưng vẫn giữ nguyên thói quen lao động với đồng ruộng như trước, có thể tạo nên một kiểu đô thị "nửa làng, nửa phố". Phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến một số vấn đề bất cập mới nảy sinh cần phải quan tâm giải quyết như: tình trạng di dân từ nông thôn đến đô thị, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

2.2. Đối với các phường mới thành lập

a) Tác động tích cực

Việc thành lập các phường: Nam Phong, Nam Vân, Hưng Lộc ngoài yếu tố tất yếu khách quan đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa hiện nay thì mặt tích cực khác chính là tạo ra động lực, môi trường và điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyển dịch kinh tế nông nghiệp thành kinh tế đô thị với dịch vụ, thương mại là các ngành sản xuất chính; tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động, phát huy hiệu quả và sử dụng lực lượng lao động có chất lượng cao, thúc đẩy cơ sở kỹ thuật hạ tầng hiện đại, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn và đa dạng, thu hút mạnh đầu tư trong nước và nước ngoài. Thu hút lực lượng lao động có trình độ, linh hoạt và tích cực hơn trong việc tìm kiếm việc làm như: lao động trong các doanh nghiệp, lao động hoạt động vận tải, người buôn bán lưu động, góp phần giải quyết vấn đề thiếu việc làm tại địa phương, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của các phường và thành phố.

Thành lập các phường sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng phường cũng như toàn thành phố. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị không chỉ gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội mà còn gắn với phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trong vùng nội thành kết nối với ngoại thành, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân.

Người dân trên địa bàn các phường sẽ được hưởng thụ những điều kiện về hạ tầng, cơ cấu kinh tế, giáo dục, thiết chế văn hóa, môi trường... tốt hơn. Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người cũng cao hơn so với khi còn là xã.

Ngoài ra, việc thành lập các phường tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo pháp luật; chuyển dịch được một số lượng lớn lao động sang làm việc ở lĩnh vực thương mại - dịch vụ; tiếp tục duy trì và nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm; huy động được các nguồn vốn đầu tư vào các công trình hạ tầng đô thị thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân.

b) Tác động tiêu cực

Sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến một số vấn đề như thiếu lao động trong các ngành kinh tế, lao động có trình độ; thiếu các cơ sở đào tạo nghề; phát triển kinh tế còn có tác động đến môi trường và các lối sống, văn hóa tiêu cực từ đô thị du nhập vào.

Trước tình hình các phường mới thành lập, công tác quản lý đô thị của các cơ quan cũng gặp không ít khó khăn trong việc cấp giấy phép kinh doanh, quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất; việc thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.

Ngoài ra, khi lên phường, một số loại phí khác cũng tăng như phí thu gom rác thải sinh hoạt, học phí... các vấn đề về ô nhiễm môi trường, đầu cơ đất đai cũng sẽ phát sinh gây nhiều hệ lụy cho đời sống Nhân dân nên đòi hỏi thành phố cần phải có những giải pháp cụ thể để kiểm soát và ổn định đời sống của người dân.

c) Một số giải pháp

UBND thành phố cần chỉ đạo chính quyền các phường, xã chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi. Bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý của chính quyền đô thị. Thông qua tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động, gắn với kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút lao động.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về xây dựng, môi trường trên địa bàn; nhất là công tác quản lý vệ sinh môi trường và trật tự xây dựng đô thị; kịp thời phát hiện vi phạm, kiên quyết xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

2.3. Đối với sắp xếp các ĐVHC cấp xã

a) Tác động tích cực

Thành phố Nam Định sau khi sắp xếp các ĐVHC cấp xã là tiền đề để phát triển với vai trò là đô thị trung tâm của tỉnh, cũng là một trong những đô thị nổi tiếng của cả nước. Khi đó, thành phố Nam Định sẽ thu hút nguồn lực Trung ương tốt hơn, có sức hút nhiều hơn với các nhà đầu tư..., tăng diện tích đất xây dựng đô thị. Thu hút được các nhà đầu tư chính là nguồn lực quan trọng để đầu tư hạ tầng, thành phố sẽ xây dựng những cơ chế chính sách hợp lý để tăng sức hấp dẫn với các nhà đầu tư hơn nữa.

Việc sáp nhập các ĐVHC cấp xã với mục đích tăng diện tích, tăng quy mô dân số tạo ra các khu đô thị lõi cho thành phố hiện tại, hướng chính để thúc đẩy cho thành phố phát triển mạnh hơn, từ đó kéo theo quy hoạch, xây dựng hệ thống giao thông đô thị thuận tiện.

Việc sắp xếp sáp nhập các ĐVHC cấp xã sẽ nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy nhà nước của thành phố, từ đó nâng cao thu hút đầu tư từ khối doanh nghiệp, qua đó thu hút nhiều người lao động và sinh viên đến sinh sống học tập, tìm kiếm việc làm, kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề dịch vụ phát triển, tác động tích cực đến kinh tế-xã hội của cả thành phố.

Các trụ sở nhỏ lẻ, diện tích bé được thu hồi, tạo nguồn đất đấu giá từ thu hồi đất của các trụ sở cơ quan cũ, làm tăng thu cho ngân sách nhà nước từ đó chính quyền thành phố có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ hơn; tu sửa và xây mới đáp ứng quy mô, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn.

b) Tác động tiêu cực

Phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến một số vấn đề bất cập mới nảy sinh cần phải quan tâm giải quyết như: tình trạng di dân từ nông thôn đến đô thị, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội...

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

3.1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng

a) Tác động tích cực

Khi được mở rộng, thành phố sẽ chú trọng đầu tư các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, ý thức và đời sống Nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh, chính quyền đô thị sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đề phòng các thế lực thù địch, các phần tử phản động, kích động, tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

Mở rộng thành phố Nam Định sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút được các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đến sinh sống, làm việc góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

b) Tác động tiêu cực

Sau khi thành phố được mở rộng sẽ có những khó khăn nhất định như người dân từ các địa phương khác đến hợp tác, làm việc, sinh sống tăng cao; số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến các công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện giao thông tham gia nhiều với tải trọng lớn; các dịch vụ kinh doanh có điều kiện gây mất an ninh trật tự như: cầm đồ, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn,... do đó, đòi hỏi lực lượng công an phải tăng cường công tác quản lý để đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

c) Một số giải pháp

Tăng cường quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập ở các cấp. Thực hiện tốt công tác tuyển quân đạt chỉ tiêu được giao; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

Tiếp tục thực hiện công tác bảo đảm an ninh; tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn tuyệt đối vào các ngày lễ, sự kiện lớn trong năm,... Mở các đợt cao điểm vận động quần chúng tố giác tội phạm tạo điều kiện cho lực lượng công an tấn công, trấn áp nhằm kiềm chế và đẩy lùi các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, trộm cắp, lừa đảo, cố ý gây thương tích... Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; thực hiện tốt các giải pháp kiềm chế, làm giảm tai nạn giao thông, hạn chế ùn tắc giao thông trên địa bàn, thực hiện nghiêm túc và hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy.

3.2. Đối với các phường mới thành lập

a) Tác động tích cực

Việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy Nhà nước từ xã thành phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng cao sẽ góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc; hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm; không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng. Cùng với đó, chất lượng nguồn nhân lực cho công tác đảm bảo hậu cần, dự bị động viên, đặc biệt là xây dựng lực lượng dân quân ngày càng vững mạnh, làm tốt công tác tuần tra, nắm bắt mọi diễn biến và xử lý linh hoạt mọi tình huống bất ngờ. Ngoài ra, hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn.

b) Tác động tiêu cực

Sau khi các phường được thành lập, lưu lượng người từ các địa phương khác đến du lịch, hợp tác, làm ăn, sinh sống, làm việc tại địa bàn tăng cao, đòi hỏi lực lượng Công an phải tăng cường công tác quản lý trên địa bàn đối với các đối tượng cư trú, lưu trú, đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an toàn cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn. Bên cạnh đó, việc thu hút đầu tư mạnh mẽ giúp hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng; các cơ sở kinh doanh có điều kiện phát triển. Từ đó, đòi hỏi lực lượng Công an phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các dịch vụ kinh doanh.

3.3. Đối với sắp xếp ĐVHC cấp xã

a) Tác động tích cực

Khi thành phố thực hiện xong quá trình sắp xếp ĐVHC cấp xã sẽ chú trọng đầu tư các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, ý thức và đời sống Nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn, chính quyền đô thị sẽ làm tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. Đề phòng các thế lực thù địch, các phần tử phản động, kích động, tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút được các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đến sinh sống, làm việc góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

b) Tác động tiêu cực

Các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp sẽ có quy mô dân số, diện tích tăng lên gấp nhiều lần hiện nay, gây ra những khó khăn nhất định trong quản lý địa bàn, nhân khẩu lớn hơn nhiều lần; mặt khác số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, lưu lượng phương tiện giao thông tham gia nhiều, các dịch vụ kinh doanh có điều kiện gây nguy cơ mất an ninh trật tự như: cầm đồ, nhà nghỉ, nhà hàng, khách sạn,... do đó, đòi hỏi lực lượng an ninh phải tăng cường công tác quản lý địa bàn để đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng

a) Tác động tích cực

Thành phố Nam Định mở rộng trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và số dân của huyện Mỹ Lộc, như vậy toàn tỉnh Nam Định giảm 01 ĐVHC cấp huyện, không làm tăng biên chế mà còn có lượng cán bộ dôi dư để lựa chọn bổ sung,

sắp xếp, bố trí công việc phù hợp. Từ đó nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn giảm gánh nặng cho công tác quản lý Nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện; từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ; tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, một cửa điện tử,... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

b) Tác động tiêu cực:

Bên cạnh những tích cực mang lại, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: việc chuyển đổi từ đơn vị hành chính này sang đơn vị hành chính khác cùng cấp đồng nghĩa với việc thay đổi một số giấy tờ tùy thân, sổ hộ khẩu, giấy phép kinh doanh, quyền sử dụng đất... không những gây khó khăn, mất thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp mà còn gây áp lực cho đội ngũ cán bộ các cấp liên quan.

4.2. Đối với các phường mới thành lập

a) Tác động tích cực

Việc thành lập phường Nam Phong và Nam Vân trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của của các xã hiện hữu nên về tổ chức bộ máy của các phường sau khi thành lập sẽ hoạt động ổn định không gây xáo trộn đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách. Riêng phường Hưng Lộc sẽ có đôi dư cán bộ, công chức nhưng cũng là cơ hội để lựa chọn, sắp xếp, bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ và phù hợp nhất.

Việc thành lập các phường mới thúc đẩy việc cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với xây dựng bộ phận tiếp nhận trả kết quả ở các phường đảm bảo minh bạch, đơn giản, hiệu quả và thân thiện; giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Hiệu quả của công tác quản lý hành chính của chính quyền đô thị được nâng cao, góp phần giải quyết khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng; tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

b) Tác động tiêu cực

Việc thay đổi ĐVHC từ xã lên phường sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn khi phải kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị cho phù hợp;... Một số thủ tục hành chính liên quan đến những giấy tờ quan trọng của người dân cũng cần phải được điều chỉnh như: hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... bước đầu sẽ gây xáo trộn đời sống Nhân dân.

4.3. Đối với sắp xếp ĐVHC cấp xã

a) Tác động tích cực

Theo quy định, sau khi sáp nhập tổ chức bộ máy của cấp ủy, chính quyền được giữ nguyên và ổn định trong vòng 5 năm; không làm tăng biên chế; tổ chức và hoạt động của các ĐVHC cấp xã giảm, số lượng biên chế thời gian đầu của các đơn vị cấp xã mới tăng lên, công việc được chia sẻ và có sự bổ sung, bổ trợ không làm đình trệ việc giải quyết thủ tục hành chính và các dịch vụ công tại địa phương. Qua sắp xếp, chất lượng, năng suất lao động của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Nam Định giúp việc đầu tư nguồn kinh phí để xây dựng, tu sửa các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc của ĐVHC mới sau sắp xếp tập trung hơn, đồng bộ hơn, khang trang hơn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Từ đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được giải quyết công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

b) Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tích cực mang lại, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: việc dồn từ ĐVHC này sang ĐVHC khác cùng cấp đồng nghĩa với việc thay đổi một số giấy tờ tùy thân, sổ hộ khẩu, giấy phép kinh doanh, quyền sử dụng đất... trước mắt sẽ gây khó khăn, mất thời gian, phát sinh chi phí cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời gây áp lực cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp liên quan trong việc tra cứu, lưu trữ.

Quá trình sáp nhập nhiều ĐVHC cấp xã thành một đơn vị sẽ dễ gây lãng phí cơ sở vật chất, việc lưu trữ hồ sơ người dân sẽ dễ thất lạc nếu thiếu sự phối kết hợp trong việc bàn giao, bảo quản. Một số trụ sở mới được đầu tư tu sửa, nếu không kịp thời xây dựng phương án xử lý sẽ dễ bị xuống cấp, lãng phí khi không sử dụng trong thời gian dài.

5. Tác động khi nhập nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến ĐVHC

a) Tác động tích cực

Việc sáp nhập các ĐVHC nông thôn với các phường giáp nhau để tạo thành một phường mới tạo cho người dân khu vực nông thôn tiếp cận và hòa nhập tốt hơn

với đời sống đô thị, ĐVHC mới hình thành sau sáp nhập không còn là khu vực nông thôn do đó không còn được công nhận là xã hoàn thành xây dựng Nông thôn mới. Thông qua việc sáp nhập giúp cho việc cơ cấu lại ngành nghề ở khu vực nông thôn cũng thuận lợi, phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, hạn chế được tính chất sản xuất nhỏ lẻ, manh mún ở nông thôn do quy mô dân số được gia tăng và mở rộng. Tạo điều kiện cho người dân chuyển đổi ngành nghề từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ phù hợp với sự phát triển đô thị hóa của địa phương góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống nhân dân; việc huy động nguồn lực từ nhân dân từ đó sẽ tăng lên rõ rệt, tạo điều kiện thuận lợi cho ĐVHC mới triển khai hoàn thành việc xây dựng đô thị văn minh. Việc sáp nhập là tiền đề cho gia tăng đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị, thu hút được các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn, tạo nguồn thu cho ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, dịch vụ; là tiền đề gia tăng tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc được Nhà nước công nhận các danh hiệu cao quý Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân với các tổ chức, ĐVHC hình thành sau sáp xếp sẽ góp phần cổ vũ và động viên tinh thần cho mọi tầng lớp nhân dân và các lực lượng của phường Trường Thi (mới), phường Trần Hưng Đạo (mới), tạo động lực lao động, sản xuất; hăng hái, tích cực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ để xứng đáng với danh hiệu cao quý mà Đảng và Nhà nước đã phong tặng.

Việc sắp xếp lại các ĐVHC cấp xã trên địa bàn không làm thay đổi tổng dân số toàn thành phố cũng như không gây xáo trộn cho đời sống, sinh kế của nhân dân, do đó không làm ảnh hưởng đến mục tiêu giảm nghèo của thành phố Nam Định, do tỷ lệ hộ nghèo được tính trên tổng số hộ dân toàn thành phố.

b) Tác động tiêu cực

- Tác động từ chính sách xây dựng nông thôn mới với các xã đã hoàn thành công nhận nông thôn mới

Do chuyển đổi từ mô hình chính quyền nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức các xã hiện nay sẽ không tránh khỏi ngỡ ngàng do sự khác biệt về chức năng nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý. Đòi hỏi bộ máy chính quyền mới cần được kiện toàn và trang bị đầy đủ năng lực phù hợp với trình độ phát triển của đô thị, đáp ứng được những đòi hỏi đặt ra đối với ĐVHC có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa cao đồng thời nâng cao trình độ quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền ở cơ sở.

- Tác động từ việc công nhận ĐVHC mới là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

Trong các ĐVHC cấp xã tiến hành sáp nhập có Nhân dân và cán bộ xã Lộc An và Công an phường Phan Đình Phùng đã được phong tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã: hình thành

phường Trường Thi (mới) trên cơ sở nhập 3 ĐVHC: xã Lộc An, phường Văn Miếu, phường Trường Thi; hình thành phường Trần Hưng Đạo (mới) trên cơ sở nhập 3 ĐVHC phường Nguyễn Du, phường Phan Đình Phùng, phường Trần Hưng Đạo. Trên cơ sở các quy định hiện hành và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, UBND thành phố sẽ tiến hành rà soát, đánh giá, nếu bảo đảm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện quy định về phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thì UBND thành phố sẽ chỉ đạo các ĐVHC hình thành sau sắp xếp lập hồ sơ đề nghị và thực hiện các trình tự, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét công nhận đối với phường Trường Thi (mới) và Công an phường Trần Hưng Đạo (mới) là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 56, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thì mức tiền thưởng đối với tập thể được tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” được tặng Bằng, huy hiệu và được thưởng 31 lần mức lương cơ sở. Theo quy định hiện hành mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng; Như vậy mức tiền thưởng đối với mỗi đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là 55.800.000 đồng. Điều này tác động làm tăng chi cho ngân sách.

- Tác động đến chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo của địa phương

Sau khi sáp nhập, phát sinh những thách thức mà đòi hỏi đối với đội ngũ lãnh đạo chính quyền của các ĐVHC cấp xã hình thành sau sáp nhập cần phải giải quyết để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo tại địa phương, cụ thể như: bộ máy mới; việc nắm bắt được tình hình tất cả các khu dân cư; việc thống nhất phương pháp lãnh đạo chỉ đạo trong thực hiện công tác giảm nghèo trên một địa bàn rộng lớn hơn, đông dân cư hơn, mặt bằng phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Do đó, đòi hỏi phải bố trí, sắp xếp được đội ngũ cán bộ, lãnh đạo và công chức của ĐVHC mới hình thành sau sáp nhập đảm bảo năng lực chuyên môn, tinh thần làm.....

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH SAU KHI MỞ RỘNG

1. Định hướng

Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 17/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nam Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định vai trò của thành phố Nam Định là đô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định; là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, đào tạo, y tế dịch vụ du lịch của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng; là đô thị có các giá trị văn hóa, lịch sử nổi trội và là khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh.

Nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở để xây dựng, phát triển thành phố Nam Định; phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của

thành phố đồng thời tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Trung ương, lựa chọn nội dung trọng tâm, trọng điểm có thể mạnh để tập trung đầu tư phát triển tạo diện mạo mới cho thành phố Nam Định, Đảng bộ tỉnh Nam Định đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/6/2021 về việc tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định giai đoạn 2021-2025. UBND thành phố đã có Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 16/7/2021 nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng, xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện Nghị quyết 07 của Đảng ủy thành phố. Theo đó đã xác định mục tiêu tổng quát trong thời gian tới là: Xây dựng, phát triển thành phố Nam Định nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, có bản sắc riêng; là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa và thể thao, giáo dục và đào tạo, y tế; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên, ngang tầm với các thành phố loại I của cả nước; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo vững chắc. Phân đấu đến năm 2030, thành phố Nam Định trở thành thành phố thông minh, hiện đại, cơ bản đạt một số chức năng trung tâm vùng Nam đồng bằng Sông Hồng.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Thực hiện hiệu quả và đồng bộ công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tổ chức quán triệt, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định, trước mắt là giai đoạn 2021-2025; đảm bảo mọi cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; cấp ủy, chính quyền các cấp của thành phố Nam Định theo quy hoạch mở rộng hiểu rõ quan điểm chỉ đạo, mục đích yêu cầu trong công cuộc xây dựng, phát triển thành phố.

- Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng thành phố trở thành trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng”, trọng tâm là xây dựng nếp sống “văn minh đô thị”, “văn hóa giao thông” thường xuyên liên tục; phát huy vai trò của người dân là chủ thể xây dựng thành phố xanh - sạch - đẹp - văn minh, tiến tới hiện đại.

2.2. Thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức lập, điều chỉnh và công khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phù hợp với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố (bao gồm cả địa giới hành chính thành phố sau khi mở rộng); Xây dựng và tổ chức thực hiện “Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025”, “Quy chế quản lý kiến trúc đô thị” theo Quy hoạch chung được phê duyệt làm cơ sở cho quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện quy hoạch và đầu tư các khu vực phát triển đô thị theo đúng lộ trình:

+ Giai đoạn 2021-2025: tập trung vào khu vực trung tâm đô thị hiện hữu; khu vực phát triển đan xen phía Nam vành đai 1 (QL 10); khu vực dịch vụ đô thị phía Tây Bắc thành phố; khu vực phát triển đô thị mới Nam sông Đào.

+ Giai đoạn 2021-2030: khu vực dịch vụ đô thị, thương mại phía Tây Bắc thành phố; khu vực trung tâm cửa ngõ phía Tây đường vành đai 1; khu vực công nghiệp, dịch vụ, dân cư phía Tây thành phố; khu vực làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái, thể dục thể thao phía Nam sông Châu Giang.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: khu vực làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái phía Nam thành phố.

+ Giai đoạn sau 2030: tiếp tục thực hiện đầu tư phát triển đối với các khu vực: khu vực trung tâm cửa ngõ phía Tây đường vành đai 1; khu vực công nghiệp, dịch vụ, dân cư phía Tây thành phố; khu vực làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái, thể dục thể thao phía Nam sông Châu Giang; khu vực làng xóm hiện hữu gắn với nông nghiệp sinh thái phía Nam thành phố.

2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tập trung chỉ đạo, đôn đốc tiến độ đầu tư các công trình trọng điểm tạo điểm nhấn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của thành phố Nam Định. Hoàn thành các dự án: Khu Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần, đường trục trung tâm phía Nam thành phố, các tuyến đường gom dọc Quốc lộ 10, chỉnh trang mở rộng đường dẫn cầu Tân Phong, nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão hữu sông Hồng và tả sông Đào, Khu thiết chế công đoàn... Khởi công, phân đấu hoàn thành các dự án: Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, Bệnh viện đa khoa tỉnh, Cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi, Dự án xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến Quốc lộ 21B); Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Nam Định... Nghiên cứu, triển khai đầu tư xây dựng đường Vành đai hai.

- củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch. Tiếp tục đầu tư đồng bộ, hoàn thành hạ tầng các khu đô thị hiện có; nghiên cứu xây dựng mới các khu đô thị hiện đại, với các chức năng thương mại, dịch vụ, trường học, công viên theo quy hoạch như: Khu nhà ở thương mại Bãi Viên; khu nhà ở xã hội; các khu đô thị mới Phú Ốc, Nam Vân, Thành An, Mỹ Lộc...

- Tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp, cải tạo chỉnh trang hạ tầng đô thị, nhất là hệ thống giao thông đô thị, cấp điện và chiếu sáng, công viên, cây xanh, thể dục, thể thao công cộng và các công trình công cộng. Khuyến khích đầu tư xây dựng mới các cụm sân chơi, bãi tập, công trình thể thao tại các khu công cộng, công viên... và các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn của đô thị, nhằm xây dựng cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp gắn với xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

- Hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử thành phố; thực hiện chuyển đổi số ở các lĩnh vực, trong đó ưu tiên lĩnh vực cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực liên quan trực tiếp tới người dân và doanh nghiệp; xây dựng hệ thống camera giám sát và quản lý đô thị thông minh; tăng cường cung cấp các tiện ích đô thị thông minh, nhất là trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục, du lịch...

2.4. Phát triển thành phố trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ

a) Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng khu công nghiệp tạo mặt bằng sạch thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, có khả năng đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. Hoàn thành đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Thuận; tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đưa vào hoạt động Khu công nghiệp Mỹ Trung. Nghiên cứu, đưa ra khỏi quy hoạch giai đoạn 2 mở rộng Cụm công nghiệp An Xá. Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy định.

- Trên cơ sở quy hoạch địa giới hành chính mở rộng, tập trung kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng. Phát huy, khai thác có hiệu quả lợi thế hai bên Đại lộ Thiên Trường, đường Lê Đức Thọ, tuyến đường dẫn cầu Tân Phong và đường trục phía Nam sông Đào...

- Phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ văn minh, hiện đại: Tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại hiện có, như: GO! Nam Định, CoopMart, Mediamart, Pico Nam Định Tower, Khách sạn Sojo Nam Định...; chuỗi các cửa hàng tiện lợi như Winmart, MinMart... Khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng mới các trung tâm thương mại, siêu thị cấp vùng tại khu đô thị Dệt may, Khu đô thị Thống Nhất, Khu đô thị Mỹ Trung và các địa điểm khác theo quy hoạch.

- Nâng cao tỷ trọng ngành thương mại dịch vụ, hướng tới phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, nhiều lợi thế cạnh tranh phù hợp với thế mạnh của thành phố Nam Định như: Thương mại điện tử, hệ thống phân phối bán lẻ, du lịch, dịch vụ logistics, tài chính, ngân hàng.

b) Nông nghiệp

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, chú trọng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến nông sản, thực phẩm. Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất, phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của vùng. Tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 đối với các xã thuộc thành phố Nam Định (bao gồm các xã sau khi hoàn thành mở rộng địa giới hành chính).

c) Cải cách hành chính

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX và Kế hoạch của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị; văn phòng điện tử liên thông trong quản lý văn bản, xử lý

công việc, thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử và giao dịch bằng hộp thư điện tử. Thực hiện 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

d) Ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Nam Định

Nghiên cứu, ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù và đẩy mạnh phân cấp cho thành phố trong một số lĩnh vực như: Quản lý đầu tư xây dựng, đất đai, kiến trúc đô thị, công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, điều hành ngân sách... đảm bảo phù hợp với năng lực của thành phố Nam Định và các quy định của pháp luật.

2.5. Phát triển giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể thao, du lịch; y tế; khoa học và công nghệ

a) Giáo dục và đào tạo

- Xây dựng hệ thống giáo dục đạt chuẩn theo quy định, phát huy hiệu quả các trường chất lượng cao, phân đầu mỗi cấp học có ít nhất một trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ IV theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khuyến khích phát triển một số trung tâm đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế.

- Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp.

b) Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và ý thức xây dựng nếp sống văn minh đô thị theo hướng xanh - sạch - đẹp và hiện đại. Phát triển mạnh mẽ phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng và các hoạt động giáo dục thể chất trong trường học, đồng thời phát triển các môn thể thao thành tích cao có truyền thống, lợi thế của tỉnh.

- Bảo tồn, tôn tạo và khai thác, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cũng như các khu vực có giá trị về kiến trúc cảnh quan. Đồng thời xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng gắn liền với giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc, cảnh quan danh thắng của thành phố Nam Định, như: Khu di tích lịch sử văn hóa thời Trần, đền Bảo Lộc, các tuyến phố cổ, làng hoa, cây cảnh phía Nam Sông Đào...

c) Khoa học công nghệ

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Hỗ trợ, nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp; từng bước hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao công nghệ. Phát triển hạ tầng cơ sở khoa học và công nghệ gắn với việc hình thành các doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Y tế

Xây dựng hệ thống y tế từng bước hiện đại, hoàn chỉnh và đồng bộ, có khả năng kết nối từ Trung ương đến y tế cơ sở, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe. Tiếp tục rà soát quy hoạch phát triển mạng lưới y tế; nâng cấp đồng bộ hệ thống bệnh viện tuyến tỉnh, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống y tế cơ sở đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tập trung xây dựng hình thành một số lĩnh vực chuyên khoa sâu chất lượng cao như: Sản, Mắt, Nội tiết, Ung bướu.

2.6. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, chỉnh trang đô thị sáng - xanh - sạch - đẹp; phát động phong trào xây dựng nhiều tuyến phố văn minh, kiểu mẫu. Duy trì thường xuyên hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đồng bộ; đẩy mạnh công tác phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn. Tập trung đơn đốc, hỗ trợ nhà đầu tư sớm hoàn thành Nhà máy điện rác tại xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc để thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Nam Định (mở rộng) và một số huyện.

- Rà soát quy hoạch, từng bước triển khai xây dựng các trạm quan trắc môi trường, đồng bộ, kết nối, liên thông với quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia nhằm kiểm soát, đánh giá chất lượng môi trường, đưa ra những dự báo, cảnh báo môi trường cho cộng đồng và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Đẩy mạnh phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, ổn định; giữ vững môi trường bình yên để thu hút đầu tư và du khách.

III. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN

1. Nhu cầu

Để thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định trong thời gian tới, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn vào các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Nhu cầu nguồn vốn cho giai đoạn 2021-2030 là 47.323,4 tỷ đồng; trong đó giai đoạn 2021-2025 là 30.565,4 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 16.758 tỷ đồng.

2. Khả năng huy động vốn

Các nguồn huy động vốn cho giai đoạn 2021-2030 được xác định như sau:

- Vốn ngân sách đầu tư công Trung ương: 1.800 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách đầu tư công địa phương: 2.850 tỷ đồng.
- Vốn vay ODA: 1.831 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác: 40.482,4 tỷ đồng.

3. Giải pháp về phân bổ nguồn lực thực hiện

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (kể cả nguồn vốn ODA), nguồn tín dụng đầu tư ưu đãi của Trung ương, nguồn vượt thu, tăng thu từ ngân sách địa phương: Ưu tiên cho đầu tư phát triển trong đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, các hạ tầng khung trong các đô thị, các công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách, ưu tiên cho phát triển các dịch vụ công trong đô thị như thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các vực mở rộng, tái thiết đô thị, các khu đô thị có chức năng chuyên biệt.

- Xây dựng cơ chế đặc thù, ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm vùng kinh tế động lực làm khâu đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, kích thích phát triển đô thị từng vùng.

- Kết hợp, lồng ghép Chương trình phát triển đô thị với các mục tiêu, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương.

- Đầu tư vào các hạ tầng thiết yếu có tác dụng thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển đô thị, xã hội hóa là giải pháp chủ yếu để phát triển đô thị.

- Phân vùng, phân kỳ phát triển đô thị hợp lý để có chính sách phù hợp, hiệu quả nhất đối với phát triển đô thị từng vùng, từng giai đoạn.

- Phát triển đô thị bền vững, chủ yếu bằng nguồn nội lực tự có để vừa tăng trưởng nhanh về kinh tế, vừa đảm bảo sinh thái bền vững, sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức sau mở rộng thành phố Nam Định, thành lập phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã

1.1. Đối với thành phố Nam Định mở rộng

a) Về sắp xếp tổ chức Đảng:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định trực tiếp xây dựng đề án, quyết định thành lập Đảng bộ thành phố Nam Định sau khi mở rộng trên cơ sở sáp nhập Đảng bộ thành phố Nam Định và Đảng bộ huyện Mỹ Lộc. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy của Đảng bộ thành phố Nam Định theo quy định của Điều lệ Đảng³. Nhiệm kỳ đầu tiên của Đảng bộ thành phố (mới) là nhiệm kỳ 2020-2025.

³ Quy định 24 -QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Về số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy mới thành lập thực hiện theo hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể là:

Nhiệm kì 2020-2025:

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy, ủy viên Ủy ban Kiểm tra cấp ủy của đảng bộ mới tối đa không vượt quá tổng số hiện có của các tổ chức đảng cùng cấp trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các người nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyên công tác khác.

- Số lượng Phó Bí thư cấp ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra của đảng bộ mới tối đa không vượt quá tổng số cấp trưởng, cấp phó hiện có của các tổ chức đảng cùng cấp trước khi sắp xếp trừ đi số lượng các người nghỉ hưu, nghỉ công tác, chuyên công tác khác.

Nhiệm kì 2025 - 2030:

Số lượng cấp ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy của đảng bộ mới thực hiện theo quy định, chỉ thị của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Trung ương.

b) Về tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nam Định, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn căn cứ điều lệ của tổ chức mình để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc sáp nhập Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tương ứng với việc sắp xếp tổ chức đảng. Trong đó lưu ý:

- Xây dựng đề án sắp xếp, chuyển giao tổ chức và kiện toàn cán bộ.

- Quy trình thành lập tổ chức, xác định nhiệm kì đầu tiên và cách tính số thứ tự nhiệm kì đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội ở ĐVHC sau khi sắp xếp.

- Số lượng ủy viên Ủy ban, ban thường trực, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch (phó bí thư) đoàn thể chính trị - xã hội nhiệm kì đầu tiên ở ĐVHC sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số hiện có của các tổ chức cùng cấp trước khi sắp xếp ĐVHC; đồng thời, khuyến khích thực hiện giảm số lượng các chức danh trên để sớm thực hiện theo quy định chung.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Thường vụ Thành ủy Nam Định và Ban Thường vụ Huyện ủy Mỹ Lộc phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn thực hiện sắp xếp, chuyển giao tổ chức và kiện toàn cán bộ; xác định số lượng ủy viên Ủy ban, ban thường trực, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và số lượng ủy

viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch (phó bí thư) đoàn thể chính trị - xã hội ở ĐVHC sau sắp xếp phù hợp với thực tế địa phương⁴.

c) Về tổ chức chính quyền địa phương

- Đại biểu HĐND:

Đại biểu HĐND của thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của thành phố Nam Định (mới) và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Điều 134, Điều 137 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Thường trực HĐND tỉnh Nam Định trực tiếp chỉ định triệu tập viên trong số đại biểu HĐND của thành phố Nam Định (mới) để triệu tập và chủ tọa kỳ họp thứ nhất cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND của thành phố Nam Định (mới).

Hội đồng nhân dân của thành phố Nam Định (mới) bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

- Thành viên UBND:

Thành viên UBND của thành phố Nam Định (mới) do HĐND bầu ra theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

d) Về tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, y tế

- Sự nghiệp Giáo dục đào tạo:

+ Khối THCS của thành phố Nam Định (mới) giữ nguyên số trường, số lớp, số học sinh và số lượng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và viên chức hiện có của thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc.

+ Khối Tiểu học giảm 01 trường, khối Mầm non giảm 02 trường (do sáp nhập thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng thành phường Hưng Lộc).

- Sự nghiệp y tế: giữ nguyên cơ sở hạ tầng của 02 Trung tâm y tế cấp huyện và 35 trạm y tế (giảm 01 Trạm Y tế thị trấn Mỹ Lộc do sáp nhập thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng thành phường Hưng Lộc).

1.2. Đối với các phường mới thành lập

a) Về sắp xếp tổ chức Đảng:

Ban Thường vụ Thành ủy Nam Định trực tiếp xây dựng đề án, quyết định thành lập Đảng bộ phường tại các phường mới thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất tổ chức đảng của các ĐVHC cùng cấp trước khi sắp xếp. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy của Đảng bộ phường Nam Phong, phường Nam Vân và phường Hưng Lộc theo quy định của Điều lệ Đảng. Nhiệm kỳ đầu tiên của Đảng bộ các phường mới thành lập là nhiệm kỳ 2020-2025.

⁴ Theo Hướng dẫn số 26 – HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương.

Về số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy; số lượng ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy mới thành lập thực hiện theo hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương

b) Về tổ chức Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội

Thành lập Ủy ban MTTQ Việt Nam mới phải thực hiện đồng bộ với việc sắp xếp của ĐVHC cùng cấp. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố hiệp y thống nhất với Đảng ủy các phường mới quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của ĐVHC cấp xã mới; chỉ định danh sách Ủy viên Ủy ban và Ban Thường trực của Ủy ban MTTQ Việt Nam lâm thời⁵.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của ĐVHC cấp xã mới sắp xếp tương ứng với ĐVHC mới. Ban Thường vụ Thành đoàn chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của các phường mới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh của ĐVHC cấp xã mới sắp xếp tương ứng với ĐVHC mới. Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức hội của các phường mới.

c) Về tổ chức chính quyền địa phương

- Đại biểu HĐND:

Thường trực HĐND thành phố trực tiếp chỉ định triệu tập viên trong số đại biểu HĐND của ĐVHC phường mới để triệu tập và chủ tọa cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND của ĐVHC phường mới.

Đại biểu HĐND của các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

HĐND của các phường mới bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

- Thành viên UBND:

Thành viên UBND của các phường mới do HĐND bầu ra theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

d) Về tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, y tế

- Đối với phường Nam Phong và phường Nam Vân:

+ Giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, giữ nguyên cơ sở vật chất, phòng học các trường học hiện có trên địa bàn xã Nam Phong, xã Nam Vân để không

⁵ Thông tri số 08/TT-MTTQTW-BTT ngày 28/7/2020 của Ủy ban Trung ương MTTQVN.

ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường.

+ Giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự; giữ nguyên cơ sở vật chất của các trạm y tế hiện có trên địa bàn xã Nam Phong, xã Nam Vân làm điểm khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân để phục vụ Nhân dân thuận lợi nhất.

- Đối với phường Hưng Lộc:

+ Sáp nhập trường Tiểu học Mỹ Hưng (xã Mỹ Hưng) và trường Tiểu học Trần Quang Khải (thị trấn Mỹ Lộc), giữ nguyên 02 cơ sở, phân thành khu A và khu B. Sáp nhập 02 trường Mầm non xã Mỹ Hưng và trường Mầm non Họa Mi (thị trấn Mỹ Lộc), giữ nguyên 03 cơ sở, phân thành khu A, khu B và khu C.

+ Sáp nhập trạm y tế xã Mỹ Hưng và trạm y tế thị trấn Mỹ Lộc.

1.3. Đối với các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp

**** Tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác***

- Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp ĐVHC cấp xã phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của Đảng và Chính phủ.

- Đối với các cơ quan, tổ chức của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

a) Tổ chức Đảng

- Đảng bộ của đơn vị hành chính cấp xã mới sắp xếp tương ứng với đơn vị hành chính mới. Thành ủy Nam Định trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức, Bí thư, Phó Bí thư, Ban Thường vụ của đơn vị hành chính cấp xã mới theo Khoản 5, Điều 13 Điều lệ Đảng⁶.

- Số lượng cấp ủy viên tính đến thời điểm 30/9/2023 của 18 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp sáp nhập là 255 cấp ủy viên với trình độ chuyên môn, trình độ chính trị cụ thể như sau:

+ Trình độ chuyên môn: 8 thạc sĩ (chiếm 3,1%), 214 đại học (chiếm 84%), 4 cao đẳng (chiếm 1,56%), 18 trung cấp (chiếm 7%) và 11 sơ cấp, chưa qua đào tạo (chiếm 4,34%).

+ Trình độ chính trị: 27 cao cấp (chiếm 10,5%), 201 trung cấp (chiếm 79%), 27 sơ cấp, chưa qua đào tạo (chiếm 10,5%).

- Số lượng cấp ủy viên của các đơn vị hành chính mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

⁶ quy định tại Điểm 16.5 Mục 16 Quy định 24 -QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

+ Đảng ủy phường Quang Trung (mới): 38 cấp ủy viên (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Thống Nhất: 14 cấp ủy viên, phường Hạ Long: 11 cấp ủy viên, phường Quang Trung (cũ): 13 cấp ủy viên).

+ Đảng ủy phường Vị Xuyên (mới): 43 cấp ủy viên (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Trần Tế Xương: 15 cấp ủy viên, phường Vị Hoàng: 14 cấp ủy viên, phường Vị Xuyên (cũ): 14 cấp ủy viên).

+ Đảng ủy phường Trần Hưng Đạo (mới): 44 cấp ủy viên (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Phan Đình Phùng: 15 cấp ủy viên, phường Nguyễn Du: 14 cấp ủy viên, phường Trần Hưng Đạo (cũ): 15 cấp ủy viên).

+ Đảng ủy phường Cửa Bắc (mới): 44 cấp ủy viên (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Bà Triệu: 15 cấp ủy viên, phường Trần Đăng Ninh: 14 cấp ủy viên, phường Cửa Bắc (cũ): 15 cấp ủy viên).

+ Đảng ủy phường Năng Tĩnh (mới): 44 cấp ủy viên (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Ngô Quyền: 15 cấp ủy viên, phường Trần Quang Khải: 14 cấp ủy viên, phường Năng Tĩnh (cũ): 15 cấp ủy viên).

+ Đảng ủy phường Trường Thi (mới): 42 cấp ủy viên (gồm các phường, xã trước khi sắp xếp: phường Văn Miếu: 14 cấp ủy viên, xã Lộc An: 14 cấp ủy viên, phường Trường Thi (cũ): 14 cấp ủy viên).

- Các phường mới sau khi thực hiện sắp xếp sáp nhập sẽ có số lượng cấp ủy viên của Đảng bộ mới tối đa không vượt quá tổng số hiện có của các tổ chức đảng cùng cấp⁷.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

- Thành lập Ủy ban MTTQ Việt Nam mới phải thực hiện đồng bộ với việc sắp xếp của ĐVHC cùng cấp.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố hiệp y thống nhất với Đảng ủy cấp xã quyết định thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của ĐVHC cấp xã mới; chỉ định danh sách Ủy viên Ủy ban và Ban Thường trực của Ủy ban MTTQ Việt Nam (lâm thời)⁸.

c) Các Đoàn thể chính trị - xã hội.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của ĐVHC cấp xã mới sắp xếp tương ứng với ĐVHC mới. Ban Thường vụ Thành đoàn chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của ĐVHC cấp xã mới.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh của ĐVHC cấp xã mới sắp xếp tương ứng với ĐVHC mới. Ban Thường vụ cấp trên trực tiếp chỉ định

⁷ quy định tại Hướng dẫn số 28-HD/BTCTW ngày 28/2/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

⁸ quy định tại Điểm 5.3 Mục 5 Thông tri số 08/TT-MTTQTV-BTT ngày 28/7/2020 của Ủy ban Trung ương MTTQVN.

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức hội của ĐVHC cấp xã mới.

*** Tổ chức chính quyền địa phương.**

a) Đại biểu HĐND.

- Thường trực HĐND Thành phố trực tiếp chỉ định triệu tập viên trong số đại biểu HĐND của ĐVHC phường mới để triệu tập và chủ tọa cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND của ĐVHC phường mới.

- Số lượng đại biểu HĐND tính đến thời điểm 30/9/2023 của 18 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp sáp nhập là 356 đại biểu HĐND với trình độ chuyên môn, trình độ chính trị cụ thể như sau:

+ Trình độ chuyên môn: 5 thạc sĩ (chiếm 1,4%), 240 đại học (chiếm 67,8%), 10 cao đẳng (chiếm 2,8%), 57 trung cấp (chiếm 16%) và 44 sơ cấp, chưa qua đào tạo (chiếm 12%).

+ Trình độ chính trị: 27 cao cấp (chiếm 7,5%), 232 trung cấp (chiếm 65,3%), 97 sơ cấp, chưa qua đào tạo (chiếm 27,2%).

- Đại biểu HĐND của các ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp hợp thành HĐND của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cụ thể như sau:

+ Đại biểu HĐND phường Quang Trung (mới): 58 đại biểu HĐND (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Thống Nhất: 21 đại biểu, phường Hạ Long: 18 đại biểu, phường Quang Trung (cũ): 19 đại biểu).

+ Đại biểu HĐND phường Vị Xuyên (mới): 55 đại biểu HĐND (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Trần Tế Xương: 19 đại biểu, phường Vị Hoàng: 18 đại biểu, phường Vị Xuyên (cũ): 18 đại biểu).

+ Đại biểu HĐND phường Trần Hưng Đạo (mới): 57 đại biểu HĐND (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Phan Đình Phùng: 18 đại biểu, phường Nguyễn Du: 19 đại biểu, phường Trần Hưng Đạo (cũ): 20 đại biểu).

+ Đại biểu HĐND phường Cửa Bắc (mới): 58 đại biểu HĐND (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Bà Triệu: 19 đại biểu, phường Trần Đăng Ninh: 18 đại biểu, phường Cửa Bắc (cũ): 21 đại biểu).

+ Đại biểu HĐND phường Năng Tĩnh (mới): 60 đại biểu HĐND (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Ngô Quyền: 19 đại biểu, phường Trần Quang Khải: 21 đại biểu, phường Năng Tĩnh (cũ): 20 đại biểu).

+ Đại biểu HĐND phường Trường Thi (mới): 68 đại biểu HĐND (gồm các phường, xã trước khi sắp xếp: phường Văn Miếu: 21 đại biểu, xã Lộc An: 25 đại biểu, phường Trường Thi (cũ): 22 đại biểu).

- HĐND của ĐVHC mới sau khi sắp xếp bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định tại Điều 83 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

- Đồng thời, thành phố Nam Định sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của HĐND phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của HĐND và đại biểu HĐND.

b) Thành viên Ủy ban nhân dân.

- Thành viên UBND của ĐVHC cấp xã mới do HĐND bầu ra theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

c) Tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế.

- Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã tạm thời giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự, giữ nguyên cơ sở vật chất, phòng học các trường học để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học; sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường.

- Đối với các trạm y tế cấp xã của các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã tạm thời giữ nguyên hiện trạng tổ chức bộ máy, nhân sự; giữ nguyên cơ sở vật chất của các trạm y tế (cũ) làm điểm khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân để phục vụ Nhân dân thuận lợi nhất.

1.4. Đối với các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn

a) Chi cục Thống kê:

Chi cục Thống kê thành phố Nam Định và Chi cục Thống kê khu vực Vụ Bản - Mỹ Lộc thành lập 2 Chi cục Thống kê: Chi cục Thống kê thành phố Nam Định (quản lý nhà nước về thống kê các xã, phường thuộc thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc cũ); Chi cục Thống kê huyện Vụ Bản (quản lý nhà nước về thống kê các xã, thị trấn thuộc huyện Vụ Bản).

b) Bảo hiểm Xã hội:

BHXH tỉnh Nam Định dự kiến thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, điều động nhân sự, bàn giao toàn bộ nhiệm vụ, tài chính, tài sản đối với BHXH huyện Mỹ Lộc về BHXH tỉnh Nam Định như đã thực hiện nhập BHXH thành phố Nam Định về BHXH tỉnh Nam Định tại thời điểm 01/01/2020 theo Quyết định số 969/QĐ-BHXH ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương, sẽ không có đơn vị BHXH cấp huyện đối với thành phố Nam Định (trụ sở BHXH tỉnh đóng trên địa bàn), BHXH tỉnh Nam Định sẽ trực tiếp quản lý, theo dõi và giải quyết chế độ BHXH cho các đơn vị sử dụng lao động, người lao động và người dân trên địa bàn thành phố Nam Định như hiện nay.

c) Công an Thành phố:

Việc bố trí, sắp xếp cán bộ của Công an tỉnh khi sáp nhập huyện Mỹ Lộc, mở rộng thành phố Nam Định và thành lập các phường thuộc Công an thành phố phải căn cứ vào thực trạng cơ cấu đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy tại thời điểm sáp nhập; do đó, sau khi có quyết định sáp nhập, Công an tỉnh sẽ rà soát, đánh giá tổng thể và có phương án bố trí, sắp xếp cán bộ cụ thể, đảm bảo cơ cấu, quy định của Ngành Công an.

d) Ban Chỉ huy Quân sự:

Sau khi có Nghị quyết sáp nhập huyện Mỹ Lộc để mở rộng Thành phố Nam Định, Bộ CHQS tỉnh Nam Định sẽ xin ý kiến và thực hiện theo sự chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu 3 và Thủ trưởng Bộ Quốc phòng về việc sắp xếp nhân sự.

1.5. Đối với các cơ quan tư pháp (TAND, VKSND)

a) Tòa án Nhân dân: Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy của Tòa án Nhân dân thành phố Nam Định sau khi mở rộng do Tòa án Nhân dân tỉnh Nam Định thực thi theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

b) Viện Kiểm sát Nhân dân: Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy của Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Nam Định sau khi mở rộng do Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Nam Định thực thi theo quy định của Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi mở rộng thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã

2.1. Đối với mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định

- Dự kiến số cán bộ, công chức dôi dư phải xử lý là 24 người.

- Dự kiến số viên chức dôi dư là 05 người.

* Phương án giải quyết dôi dư

- Đối với cán bộ, công chức: Điều chỉnh nội bộ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố sau khi thực hiện sáp nhập. Số công chức dôi dư còn lại tiếp tục điều động dần về các cơ quan cùng ngành của tỉnh theo số biến động giảm (do nghỉ hưu, nghỉ thôi việc, chuyển công tác, ...) trong thời gian 05 năm.

- Đối với viên chức: Điều động tới các đơn vị cấp huyện khác còn thiếu; tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP; nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ.

2.2. Đối với các phường mới thành lập

2.2.1. Phường Hưng Lộc:

a) Tổng số cán bộ, công chức hiện có của thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng là 36 người (20 cán bộ, 16 công chức).

Số cán bộ, công chức dự kiến của phường Hưng Lộc theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ là 22 người (10 cán bộ, 12 công chức).

Số cán bộ, công chức dự kiến dôi dư sau sắp xếp ĐVHC so với quy định là 14 người (10 cán bộ, 4 công chức).

Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp như sau:

* Đối với cán bộ:

- Bố trí theo các vị trí chức vụ của Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể được quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

- Phương án sắp xếp bố trí số dôi dư trong giai đoạn 2024-2029:

+ Nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ là: 02 cán bộ.

+ Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu (việc điều động phải phù hợp vị trí việc làm (VTVL), trình độ chuyên môn) hoặc tiếp nhận, bố trí làm công chức cấp xã (việc tiếp nhận cán bộ cấp xã thành công chức cấp xã phải phù hợp VTVL, trình độ chuyên môn) là: 03 cán bộ.

+ Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân) số liệu dự kiến là: 05 cán bộ.

* Đối với công chức:

- Bố trí các chức danh công chức theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

- Phương án sắp xếp bố trí số dôi dư trong giai đoạn 2024-2029:

+ Nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ là: 01 công chức.

+ Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu (việc điều động phải phù hợp VTVL, trình độ chuyên môn) hoặc tuyển dụng làm công chức cấp huyện (nếu có trình độ đào tạo phù hợp) là: 01 công chức.

+ Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ (nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân) số liệu dự kiến là: 02 công chức.

b) Viên chức sự nghiệp giáo dục:

Trường THCS giữ nguyên nhân sự sau khi sáp nhập.

Trường Tiểu học sau sáp nhập sẽ có 02 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Theo quy định tại Điều 6 Chương III Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dôi dư 01 Hiệu trưởng. Dự kiến sau sáp nhập 01 Hiệu trưởng sẽ bố trí, điều động sắp xếp sang đơn vị khác.

Trường Mầm non sau sáp nhập sẽ có 02 Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng. Theo quy định tại Điều 6 Chương III Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày

12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dôi dư 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Dự kiến sau sáp nhập sẽ bố trí, điều động sắp xếp sang đơn vị khác.

c) Về người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có của thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng là 18 người. Số người không chuyên trách cấp xã dự kiến của phường Hưng Lộc theo quy định là 12 người. Số người dự kiến dôi dư so với quy định là 06 người.

Phương án sắp xếp dự kiến: Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ.

2.2.2. Phường Nam Phong và phường Nam Vân

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thành phố cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã Nam Phong và Nam Vân hiện tại. Thành phố sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng ĐVHC thuộc khu vực nội thành. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức Địa chính - Xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư. Đồng thời, tiếp tục thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2.3. Đối với các ĐVHC cấp xã sau sắp xếp

a) Tổng số cán bộ, công chức của 18 phường, xã thực hiện sắp xếp đến thời điểm 30/9/2023 là 343 cán bộ, công chức (trong đó: 171 cán bộ và 172 công chức). Với trình độ chuyên môn, trình độ chính trị cụ thể như sau:

- Trình độ chuyên môn: 11 thạc sĩ (chiếm 3,2%), 299 đại học (chiếm 87,2%), 03 cao đẳng (chiếm 0,87%), 27 trung cấp (chiếm 7,86%), sơ cấp, chưa qua đào tạo 03 (chiếm 0,87%).

- Trình độ chính trị: 25 cao cấp (chiếm 7,3%), 283 trung cấp (chiếm 82,5%), 35 sơ cấp, chưa qua đào tạo (chiếm 10,2%).

- Số lượng cán bộ, công chức của 18 phường, xã thực hiện sắp xếp đến thời điểm 30/9/2023 cụ thể như sau:

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Quang Trung (mới): 56 cán bộ, công chức (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Thông Nhất: 20 cán bộ, công chức, phường Hạ Long: 16 cán bộ, công chức, phường Quang Trung (cũ): 20 cán bộ, công chức).

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Vị Xuyên (mới): 54 cán bộ, công chức (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Trần Tế Xương: 19 cán bộ, công chức, phường Vị Hoàng: 15 cán bộ, công chức, phường Vị Xuyên (cũ): 20 cán bộ, công chức).

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Trần Hưng Đạo (mới): 58 cán bộ, công chức (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Phan Đình Phùng: 19 cán bộ, công chức, phường Nguyễn Du: 19 cán bộ, công chức, phường Trần Hưng Đạo (cũ): 20 cán bộ, công chức).

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Cửa Bắc (mới): 57 cán bộ, công chức (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Bà Triệu: 18 cán bộ, công chức, phường Trần Đăng Ninh: 20 cán bộ, công chức, phường Cửa Bắc (cũ): 19 cán bộ, công chức).

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Năng Tĩnh (mới): 57 cán bộ, công chức (gồm các phường trước khi sắp xếp: phường Ngô Quyền: 19 cán bộ, công chức, phường Trần Quang Khải: 19 cán bộ, công chức, phường Năng Tĩnh (cũ): 19 cán bộ, công chức).

+ Số lượng cán bộ, công chức phường Trường Thi (mới): 61 cán bộ, công chức (gồm các phường, xã trước khi sắp xếp: phường Văn Miếu: 19 cán bộ, công chức, xã Lộc An: 20 cán bộ, công chức, phường Trường Thi (cũ): 22 cán bộ, công chức).

- Số cán bộ, công chức dự kiến của ĐVHC mới sau sắp xếp ĐVHC theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*tính định mức theo đơn vị hành chính cấp xã loại I với phường Trường Thi, còn loại II đối với các phường mới thành lập là Quang Trung, Vị Xuyên, Trần Hưng Đạo, Năng Tĩnh, Cửa Bắc⁹*) là 167 cán bộ, công chức (trong đó số liệu dự kiến: 61 cán bộ và 106 công chức).

- Số cán bộ, công chức dự kiến dôi dư sau sắp xếp ĐVHC so với quy định là 176 cán bộ, công chức (trong đó số liệu dự kiến: 110 cán bộ và 66 công chức).

b) Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức sau sắp xếp ĐVHC

* Đối với cán bộ: Bố trí theo các vị trí chức vụ của Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể được quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

- Phương án sắp xếp bố trí số dôi dư trong giai đoạn 2024-2029¹⁰ như sau:

+ Nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ là: 20 cán bộ (số liệu cán bộ cấp xã nghỉ hưu tính đến tháng 9/2029).

⁹ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 31 Nghị quyết 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

¹⁰ quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu (*Việc điều động phải phù hợp VTVL, trình độ chuyên môn*) là: 16 cán bộ (số liệu cán bộ cấp xã nghỉ hưu của các ĐVHC không sắp xếp tính đến tháng 9/2029).

+ Tiếp nhận, bổ trí làm công chức cấp xã (*Việc tiếp nhận cán bộ cấp xã thành công chức cấp xã phải phù hợp VTVL, trình độ chuyên môn*).

+ Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ (*Nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân*) số liệu dự kiến là: 74 cán bộ.

* Đối với công chức: Bổ trí các chức danh công chức theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Phương án sắp xếp bổ trí số dôi dư trong giai đoạn 2024-2029⁽⁵⁾ như sau:

+ Nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ là: 08 công chức (số liệu công chức cấp xã nghỉ hưu tính đến tháng 9/2029).

+ Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu (*Việc điều động phải phù hợp VTVL, trình độ chuyên môn*) là: 16 công chức (số liệu công chức cấp xã nghỉ hưu của các ĐVHC không sắp xếp tính đến tháng 9/2029).

+ Tuyển dụng làm công chức cấp huyện (*Nếu có trình độ đào tạo phù hợp*).

+ Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ (*Nếu đủ điều kiện và theo nguyện vọng cá nhân*) số liệu dự kiến là: 42 công chức.

- Sau khi có nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thì đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thành phố về cơ bản giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức của các phường, xã hiện tại. Trong thời gian 5 năm (2024-2029) thành phố Nam Định triển khai công tác sắp xếp, bổ trí lại số lượng cán bộ, công chức sau sắp xếp ĐVHC theo đúng quy định. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sắp xếp cán bộ, công chức sẽ xây dựng và bổ trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; Đặc biệt các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức Địa chính - Xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ, theo quy định của Đảng và Nhà nước.

c) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã của các đơn vị phường, xã thực hiện sắp xếp.

* Tổng số người hoạt động không chuyên trách của 18 phường, xã thực hiện sắp xếp đến thời điểm 30/9/2023 là 135 người (kể cả bảo vệ dân phố và công an viên thường trực).

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách dự kiến sắp xếp của ĐVHC mới sau sắp xếp theo theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*tính định mức theo đơn vị hành chính cấp xã loại I với phường Trường Thi, còn loại II đối với các phường mới thành lập là Quang Trung, Vị Xuyên, Trần Hưng Đạo, Năng Tĩnh, Cửa Bắc*¹¹ là 113 người.

- Số người hoạt động không chuyên trách dôi dư khi sắp xếp là 22 người.

* Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp đội ngũ người hoạt động không chuyên trách sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách tại ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp ĐVHC tiến hành bố trí, sắp xếp theo đúng quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Điều động đến các đơn vị cấp xã còn thiếu.

- Vận động, thuyết phục tham gia chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ.

- Sau khi có nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực, UBND thành phố tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã có đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/2023 của Chính phủ, theo quy định của Đảng và Nhà nước.

V. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, TÀI SẢN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

1. Đối với thành phố Nam Định sau khi mở rộng

1.1. Tổ chức Đảng

Trụ sở của Thành ủy tiếp tục được giữ lại và sử dụng. Trụ sở của Huyện ủy Mỹ Lộc dôi dư chờ xử lý sau khi sáp nhập.

1.2. HĐND và UBND

Trụ sở của các đơn vị được giữ lại và tiếp tục sử dụng là: HĐND và UBND Thành phố; phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế; Thanh tra thành phố.

¹¹ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 31 Nghị quyết 27/2022/UBTVQH 15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trụ sở các đơn vị dôi dư chờ xử lý là: HĐND và UBND huyện Mỹ Lộc; phòng Nội vụ; phòng Lao động, Thương binh và Xã hội; phòng Văn hóa Thông tin; phòng Tài chính Kế hoạch; phòng Y tế.

1.3. Ủy ban MTTQ và các đoàn thể

Trụ sở của Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu chiến binh và Hội Nông dân tại thành phố được giữ lại và tiếp tục sử dụng.

1.4. Công an thành phố

Trụ sở làm việc của Công an thành phố Nam Định: Tiếp tục được bố trí làm trụ sở làm việc của Công an thành phố Nam Định (cơ sở 1).

Trụ sở làm việc của Công an huyện Mỹ Lộc: Tiếp tục được bố trí làm trụ sở làm việc của Công an thành phố Nam Định (cơ sở 2).

1.5. Các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Trụ sở của các đơn vị được giữ lại và tiếp tục sử dụng là: Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thành phố (làm trụ sở làm việc); Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Mỹ Lộc (làm cơ sở hoạt động sự nghiệp (HĐSN)); Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao Thành phố (làm cơ sở HĐSN); Đội Quản lý Trật tự Đô thị (làm cơ sở HĐSN).

Sự nghiệp Giáo dục đào tạo: giữ nguyên cơ sở hạ tầng của các trường, khi sáp nhập nhiều trường sẽ phân thành các khu để đảm bảo việc dạy và học.

Sự nghiệp y tế: giữ nguyên cơ sở hạ tầng của 02 Trung tâm y tế cấp huyện và 43 trạm y tế (giảm 01 Trạm Y tế Thị trấn Mỹ Lộc do sáp nhập Thị trấn Mỹ Lộc và xã Mỹ Hưng thành phường Hưng Lộc). Trung tâm Y tế thành phố Nam Định sẽ có 02 cơ sở chính; Cơ sở 1 tại thành phố Nam Định, cơ sở 2 tại Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc; trước mắt giữ nguyên hiện trạng 02 cơ sở. Lây cơ sở 1: Địa chỉ Số 1 Đường Thái Bình - Phường Trần Tế Xương - Thành phố Nam Định làm trụ sở chính.

Trụ sở đơn vị dôi dư chờ xử lý là: Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Mỹ Lộc.

1.6. Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên

Trụ sở của các đơn vị được giữ lại và tiếp tục sử dụng là: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Mỹ Lộc (làm cơ sở HĐSN); Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm; Trung tâm phát triển cụm công nghiệp (làm cơ sở HĐSN); Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Thành phố (làm cơ sở 01 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp); Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mỹ Lộc (làm cơ sở 02 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp); Ban Quản lý Chợ (làm cơ sở HĐSN).

2. Đối với các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn

2.1. Chi cục Thống kê Thành phố

Chi cục Thống kê thành phố Nam Định: Bố trí trụ sở làm việc tại phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định (đang triển khai thực hiện dự án xây dựng trụ sở Chi cục). Chi cục Thống kê huyện Vụ Bản: Sử dụng trụ sở hiện tại của Chi cục Thống kê khu vực Vụ Bản - Mỹ Lộc tại thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản.

2.2. Bảo hiểm Xã hội

Hiện nay khi BHXH tỉnh đang trực tiếp quản lý, theo dõi và giải quyết chế độ BHXH cho các đơn vị sử dụng lao động, người lao động và người dân trên địa bàn thành phố Nam Định với số lượng rất đông, khi sáp nhập huyện Mỹ Lộc về sẽ đông hơn trong khi không được thành lập 01 đơn vị BHXH cấp huyện trên địa bàn thành phố Nam Định, vì vậy BHXH tỉnh Nam Định sẽ dự kiến sử dụng trụ sở BHXH huyện Mỹ Lộc để bố trí cán bộ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ làm việc trực tiếp quản lý, theo dõi và giải quyết chế độ BHXH cho các đơn vị sử dụng lao động, người lao động và người dân trên địa bàn thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc hiện nay, ngoài ra sẽ sử dụng làm kho lưu trữ hồ sơ vì số lượng hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách ngày càng nhiều.

2.3. Ban Chỉ huy Quân sự

Dự kiến giữ nguyên trụ sở của 02 Ban CHQS thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc. Sử dụng trụ sở Ban CHQS thành phố (tại Phường Trần Quang Khải, tp Nam Định, tỉnh Nam Định) làm trụ sở chính. Trụ sở của Ban CHQS huyện Mỹ Lộc (tại Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định) dự kiến sử dụng cho nhiệm vụ Quốc phòng an ninh.

2.4. Tòa án nhân dân

Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân thành phố Nam Định giữ nguyên để bố trí trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định sau khi sáp nhập.

Trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc giữ lại làm cơ sở 2 để tiếp công dân, xét xử các loại án phát sinh trên địa bàn huyện Mỹ Lộc cũ.

2.5. Viện Kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc có trụ sở làm việc tại Thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc. Trụ sở được đầu tư xây dựng, thiết kế với quy mô cho đơn vị có tối đa 15 biên chế, vừa đưa vào sử dụng (hiện đang tạm giao cho đơn vị quản lý sử dụng, dự kiến sẽ bàn giao chính thức trong 6 tháng đầu năm 2023).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định có trụ sở làm việc tại đường Trần Thánh Tông, phường Thống Nhất, TP Nam Định. Trụ sở được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2005, được thiết kế với quy mô cho đơn vị có từ 21 đến 25 biên chế. Hiện trạng trụ sở đang xuống cấp, số lượng biên chế hiện nay đã vượt nhiều so với quy mô thiết kế ban đầu nhưng chưa được đưa vào kế hoạch mở rộng hoặc xây mới.

Như vậy, khi sáp nhập 2 đơn vị này, số lượng biên chế và hợp đồng lao động khoảng 44 người thì việc sử dụng 1 trụ sở làm việc là điều không khả thi (thiếu chỗ làm việc cho khoảng 20 người), bắt buộc phải sử dụng đồng thời cả 2 trụ sở tại 2 địa điểm cho đến khi trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định được đầu tư xây dựng mới.

3. Đối với các phường mới thành lập

3.1. Về trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND và UBND

UBND xã Mỹ Hưng và UBND thị trấn Mỹ Lộc đã có Hội nghị thống nhất sau khi sáp nhập sẽ sử dụng trụ sở làm việc tại UBND thị trấn Mỹ Lộc, cơ sở vật chất của xã Mỹ Hưng sẽ sử dụng vào mục đích khác.

3.2. Về trường học

Trường Trung học cơ sở: hiện nay trên địa bàn xã Mỹ Hưng có 01 trường THCS; thị trấn Mỹ Lộc không có trường THCS nên sau sáp nhập sẽ sử dụng trường THCS Mỹ Hưng.

Trường Tiểu học: hiện nay trên địa bàn thị trấn Mỹ Lộc có 01 trường Tiểu học; xã Mỹ Hưng có 01 trường Tiểu học. Do các cơ sở vật chất đều được đảm bảo và tạo điều kiện cho việc học hành, đưa đón học sinh nên dự kiến sau sáp nhập vẫn giữ nguyên trụ sở tại 2 nơi và chia thành khu A, khu B (Dự kiến Tiểu học Trần Quang Khải là khu A; Tiểu học Mỹ Hưng là khu B).

Trường Mầm non: hiện nay trên địa bàn Thị trấn Mỹ Lộc có 01 trường Mầm non; trên địa bàn xã Mỹ Hưng có 02 trường Mầm non. Cả 03 trường đều đảm bảo về cơ sở vật chất và để thuận tiện cho việc học hành đưa đón học sinh nên dự kiến sau sáp nhập giữ nguyên 03 trường và chia thành khu A, B, C (Dự kiến Trường Mầm non Hòa Mi là khu A; Trường Mầm non Mỹ Hưng tại thôn 2 xã Mỹ Hưng là khu B; Trường Mầm non Mỹ Hưng tại thôn 5 là khu C).

3.3. Công an phường

Hiện nay, Công an xã Nam Phong và Công an xã Nam Vân đang sử dụng các phòng làm việc tại trụ sở UBND xã; năm 2023, UBND thành phố Nam Định đã bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Công an 02 xã trên. Sau khi xây dựng xong sẽ bàn giao làm trụ sở làm việc của Công an phường Nam Phong và Công an phường Nam Vân.

Hiện nay, Công an xã Mỹ Hưng và Công an thị trấn Mỹ Lộc đang sử dụng các phòng làm việc tại trụ sở UBND xã, thị trấn. Sau khi sáp nhập sẽ tiếp tục sử dụng các phòng làm việc tại trụ sở UBND phường Hưng Lộc; Công an tỉnh sẽ đề nghị UBND thành phố Nam Định bố trí đất và kinh phí để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc cho Công an phường Hưng Lộc.

3.4. Trạm Y tế phường

Dự kiến sau khi thành lập phường Hưng Lộc, sử dụng trụ sở Trạm Y tế Mỹ Hưng làm trụ sở chính vì Trạm Y tế thị trấn Mỹ Lộc diện tích nhỏ, cơ sở vật chất xuống cấp.

4. Đối với ĐVHC cấp xã sau sắp xếp

4.1. Trụ sở làm việc

a) Phương án của thành phố

- Dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã như sau:

STT	Tên trụ sở Đảng uỷ, HĐND, UBND	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn sử dụng	Phương án dự kiến sắp xếp
1	Phường Hạ Long	1.040	685	1.520	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2	P. Thống Nhất	954,2	472	1.112	Giữ lại tiếp tục sử dụng
3	P. Quang Trung	254	254	762	Điều chuyển
4	P. Trần Tế Xương	537,4	312	782	Giữ lại tiếp tục sử dụng
5	P. Vị Xuyên	371,2	217,5	921	Giữ lại tiếp tục sử dụng
6	P. Vị Hoàng	165,1	140	560	Điều chuyển
7	P. Phan Đình Phùng	172,9	172,9	345,8	Điều chuyển
8	P. Nguyễn Du	160	160	640	Giữ lại tiếp tục sử dụng
9	P. Trần Hưng Đạo	245,1	168,1	672,5	Giữ lại tiếp tục sử dụng
10	P. Ngô Quyền	210,4	210,4	631,2	Điều chuyển
11	P. Năng Tĩnh	419,3	292	564	Giữ lại tiếp tục sử dụng
12	P. Trần Quang Khải	666,8	300	840	Giữ lại tiếp tục sử dụng
13	P. Bà Triệu	207,7	207,7	676,1	Điều chuyển
14	P. Cửa Bắc	1.082,4	608	1.214	Giữ lại tiếp tục sử dụng
15	P. Trần Đăng Ninh	242,2	212,7	832	Giữ lại tiếp tục sử dụng
16	P. Trường Thi	1.000	375	1.075	Giữ lại tiếp tục sử dụng
17	Phường Văn Miếu	412,9	300,4	815,6	Điều chuyển
18	Xã Lộc An	3.082,3	642	1.569	Giữ lại tiếp tục sử dụng
19	Xã Mỹ Tiến				Điều chuyển
20	Xã Mỹ Thịnh				Giữ lại tiếp tục sử dụng

21	Xã Mỹ Thành				Điều chuyển
----	-------------	--	--	--	-------------

- Tài sản, trang thiết bị làm việc

Lựa chọn, tiếp tục sử dụng, trường hợp còn thừa sẽ thực hiện việc kiểm kê, đánh giá lại, xác định nhu cầu và thực hiện sắp xếp, xử lý theo quy định hiện hành.

b) Phương án của Mỹ Lộc

Sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC có hiệu lực thi hành, các cơ quan, tổ chức của ĐVHC mới sẽ được thành lập, do vậy trước mắt sẽ đặt trụ sở làm việc của ĐVHC mới tại xã Mỹ Thịnh và thị trấn Mỹ Lộc, sẽ thừa 03 trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mỹ Thành, Mỹ Tiến, Mỹ Hưng; trên cơ sở đó nghiên cứu chuyển cho các cơ quan, tổ chức khác có nhu cầu sử dụng (trường học, trạm y tế, thôn, xóm).

- Tài sản, trang thiết bị làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND sẽ lựa chọn, tiếp tục sử dụng; trường hợp còn thừa sẽ thực hiện kiểm kê, đánh giá, xác định nhu cầu và chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức khác sử dụng (trường học, trạm y tế) hoặc tiến hành thanh lý theo quy định của Nhà nước.

- Các trường học: Giữ nguyên trụ sở và tài sản hiện có ở điểm trường.

- Trạm y tế: Trước mắt sử dụng Trạm y tế hiện có ở 04 xã, 01 thị trấn để thuận lợi cho việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Về lâu dài, UBND huyện sẽ báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh, Sở Y tế tạo điều kiện hỗ trợ về quy hoạch, kinh phí để xây dựng Trạm Y tế trung tâm tại ĐVHC mới, đảm bảo phù hợp với quy mô về diện tích và dân số của ĐVHC mới.

4.2. Lộ trình

Thực hiện ngay sau khi bố trí được trụ sở làm việc cho ĐVHC mới hoạt động; đối với trụ sở, tài sản công dư thừa sau sắp xếp thì căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, trong thời hạn 03 năm sẽ hoàn thành việc sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công theo quy định của pháp luật.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VỚI ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU MỞ RỘNG, THÀNH LẬP MỚI VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sau khi đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt và ban hành Nghị quyết; Trên cơ sở các quy định hiện hành và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, công nhận theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định, công nhận việc hưởng các chế độ, chính sách đặc thù, chính sách theo các chương trình mục tiêu quốc gia. Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.

Phần thứ năm **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kết luận

Mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc là bước đi cụ thể hóa thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ; đặc biệt là nội dung Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế để nâng vị thế và tầm ảnh hưởng của thành phố Nam Định, là cơ hội để thành phố Nam Định nói riêng và tỉnh Nam Định nói chung phát triển nhanh và toàn diện hơn trong thời gian tới; xứng tầm là đô thị trung tâm của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng.

Xây dựng thành phố Nam Định phát triển nhanh, bền vững theo hướng hiện đại, có bản sắc riêng; là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa thể thao, giáo dục, y tế; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của người dân, ngang tầm với các thành phố loại I của cả nước, đến năm 2030, trở thành thành phố thông minh, hiện đại, đạt một số chức năng trung tâm vùng Nam đồng bằng Sông Hồng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Nam Định. Việc mở rộng và phát triển thành phố Nam Định sẽ là bước đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, phát huy các tiềm năng, các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương, là động lực phát triển kinh tế của tỉnh Nam Định và của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng.

2. Kiến nghị, đề xuất

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày

21/09/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/07/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định xây dựng Đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Nam Định, thành lập 03 phường và sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc thành phố Nam Định, huyện Mỹ Lộc, kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**